BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: LUẬT

MÃ NGÀNH: 7380101

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Hải Dương - 2025

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL:	Cán bộ quản lý
CGCN:	Chuyển giao công nghệ
CNKT:	Công nghệ kỹ thuật
CNTT:	Công nghệ thông tin
CTĐT:	Chương trình đào tạo
CSVC:	Cơ sở vật chất
CVHT:	Cố vấn học tập
ĐBCL:	Đảm bảo chất lượng
ĐH:	Đại học
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GV:	Giảng viên
GVCN:	Giảng viên chủ nhiệm
KĐCLGD:	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN:	Khoa học và công nghệ
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
PVCĐ:	Phục vụ cộng đồng
QLCL:	Quản lý chất lượng
SV:	Sinh viên
TC:	Tín chỉ
THPT:	Trung học phổ thông
THCS:	Trung học cơ sở

MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC 1
I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO 1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ 1
1.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật 10
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO LUẬT 12
2.1. Đáp ứng yêu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật và hoàn thiện đội ngũ công chức, viên chức, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 12
2.2. Đáp ứng nhu cầu về nhân lực ngành Luật trong nước và ở địa phương 15
2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ 18
III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT 19
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT 19
3.2. Các văn bản liên quan tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT 20
3.3. Chương trình đào tạo tham khảo 21
3.4. Nội dung CTĐT 22
3.5. Kế hoạch đào tạo 31
3.6. Hướng dẫn thực hiện chương trình 32
3.7. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo 33
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 34
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT 34
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học 39
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên 60
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 60
5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học 60
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo 65
VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO 88
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo 88
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở 88
VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO 89
7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành 89
7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo 91
VIII. TỰ ĐÁNH GIÁ 91

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT ngành Luật....35
Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học 39
Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học....46
Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy....61
Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy....62
Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện 65
Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Luật....66
Bảng 5.5. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Luật dự kiến mở....88

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ....8
Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường 8
Hình 3.1. Kế hoạch đào tạo ngành Luật trình độ đại học....31

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày tháng năm 2025

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng

giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và

điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông dọc, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thoả thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: “Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển

bền vững".

Sứ mạng: "Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Người học ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến".

Tầm nhìn - 2030: "Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư".

Giá trị cốt lõi: "Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến".

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác bảo đảm chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, Nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có 248 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 182 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 47 người (chiếm 25,83%); thạc sĩ 135 người (chiếm 74,17%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo các ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thực phẩm hóa học; Công nghệ thông tin; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, may; Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2019 ÷ 2024, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2019 ÷ 2024, cán bộ, GV nhà trường đã công bố 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 51 bài trong danh mục tạp chí ISI, Scopus), có 39 bài đăng toàn văn trên các hội thảo quốc tế và trên các tạp chí/hội thảo khoa học trong nước được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm. Tính đến năm 2024, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,25 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hoá, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 25 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hoà Pháp, Liên bang Nga,… Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục

đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

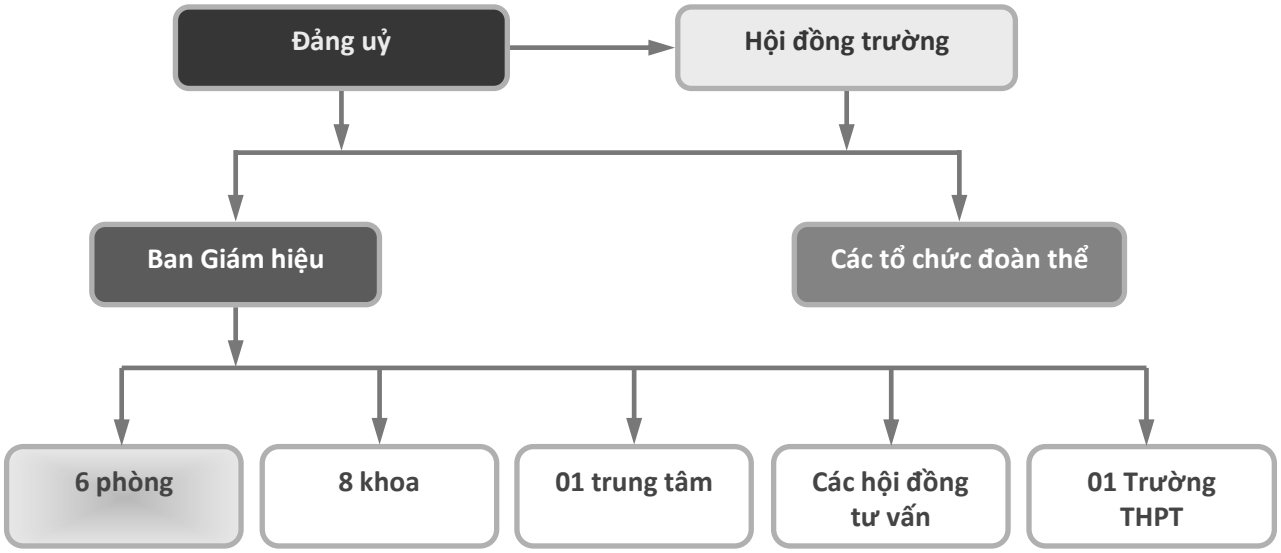
1.1.5. Cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có 02 địa điểm đào tạo tại thành phố Chí Linh, Hải Dương với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m^2; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m^2. Trong những năm qua, Nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên. Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in.

1.1.6. Cơ cấu tổ chức

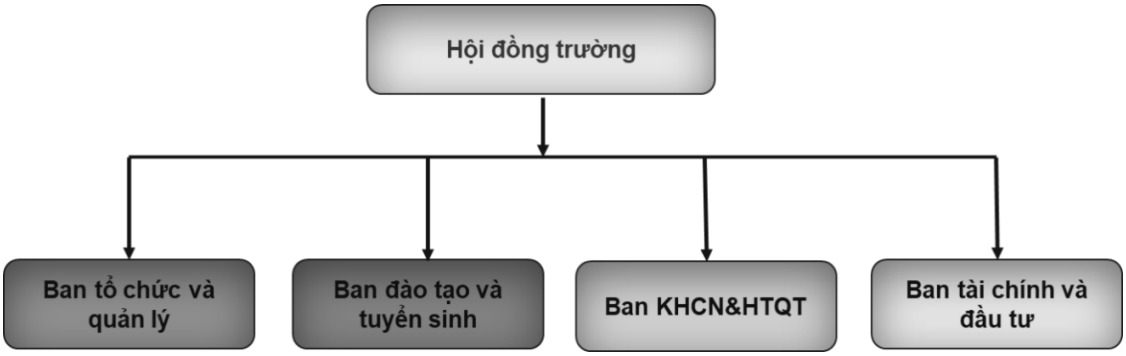
Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng uỷ, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 01 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Trường đã có 56 truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng và nhiệm vụ chính của trường là: Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi như sau:



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

Cơ cấu tổ chức của hội đồng trường



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã có những bước phát triển mạnh mẽ, uy tín, vị thế đã được khẳng định đối với xã hội. Nhà trường được Đảng, Nhà nước; các cấp bộ, ngành, tỉnh Hải Dương ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: 01 Huân chương độc lập hạng Nhất, 02 Huân chương lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba, cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ năm 2018, cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công Thương (năm 2016, 2017, 2021), cờ thi đua xuất sắc của Bộ Công an (năm 2015), bằng khen của Bộ Công Thương (năm 2015, 2016, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022), cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Hải Dương năm 2021, 2023; Cờ thi đua xuất sắc của Tỉnh ủy Hải Dương năm 2019; bằng khen của UBND tỉnh Hải Dương (năm 2015, 2017, 2019, 2020, 2024), bằng khen Bộ Công an

(năm 2016, 2019, 2021), bằng khen Bộ Quốc phòng (năm 2017), bằng khen của Hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng (năm 2017), bằng khen của Liên hiệp Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam năm 2021, giấy khen UBND thành phố Chí Linh năm 2023.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:

+ Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.

+ Tên tiếng Anh: SaoDo University (SDU).

- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.

- Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

+ Cơ sở 2: Số 72 Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Thông tin liên hệ:

+ Điện thoại: 02203882269;Số fax: 02203882921.

+ Email:sdu.edu.vn@gmail.com;Website:http://saodo.edu.vn.

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Luật
- Mã ngành: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Phương thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
C01: Ngữ văn, Toán, Vật lý;
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;
C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử;
C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý;
C14: Ngữ văn, Toán, GDKT&PL.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

1.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật

Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật - Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập ngày 21/1/2025 (sáp nhập từ hai khoa: Khoa Giáo dục chính trị và Thể Chất và Khoa Khoa học Cơ bản), tập thể sư phạm khoa đã và đang khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Khoa hiện có 35 GV (trong đó 25 GV cơ hữu, 10 GV giảng dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 15 GV là tiến sĩ (chiếm 42,85%), 02 GV đang nghiên cứu sinh.

Nhiệm vụ chính của khoa là xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình cho các ngành học thuộc bậc đại học ngành Luật và các học phần giáo dục đại cương. Thông qua các học phần đại cương giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên và lĩnh vực xã hội. Qua đó, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến, rèn luyện nâng cao thể lực cho sinh viên để học tập và lao động, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa đã được xác định rõ ràng, cụ thể sau:

Chức năng: Giúp Hiệu trưởng xây dựng chiến lược đào tạo của Khoa theo định hướng chiến lược chung của Trường; quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của các Bộ môn trực thuộc và các hoạt động khác;

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn về quy mô đào tạo, đội ngũ GV;

- Quản lý mục tiêu, CTĐT của bộ môn thuộc khoa phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực của NH sau đào tạo;

- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH của các Bộ môn trực thuộc. Tạo mối gắn kết giữa các Bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác;

- Tổ chức hoạt động KHCN, phối hợp với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với NCKH, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

- Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các mối quan hệ trong nước và quốc tế nhằm tăng cường năng lực giảng dạy, NCKH cho GV;

- Điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của các Bộ môn theo chiến lược chung của Nhà trường;

- Tổ chức sắp xếp công việc hợp lý cho GV; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng GV hằng năm;

- Theo dõi, giám sát các bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý;

- Tham gia công tác tuyển sinh và các hoạt động khác của Nhà trường;

- Tham gia công tác giảng viên chủ nhiệm hỗ trợ các khoa đào tạo;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Những giá trị khác biệt: Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật đi đầu trong công tác giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên và lĩnh vực xã hội; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước và kiến thức pháp luật.

Về chất lượng đội ngũ GV: Tính đến tháng 1/2025 khoa hiện có 35 GV đang trực tiếp giảng dạy (trong đó 25 GV cơ hữu, 10 GV dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 15 GV là tiến sĩ (chiếm 42,8%), 02 GV đang nghiên cứu sinh. Đội ngũ GV trong khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể giảng viên, Khoa được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: Bộ Công thương tặng 05 Bằng khen; Công đoàn Công Thương tặng 12 Bằng khen; Tỉnh Hải Dương tặng 03 Bằng khen; 05 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 12 giảng viên được Bộ Công Thương tặng Bằng khen. Hằng năm 100% GV trong khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

Về cơ sở vật chất: Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong khoa. Khoa hiện có 2 phòng làm việc với tổng diện tích 238m^2 đạt bình quân 8,8m^2/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý 02 phòng thí nghiệm với tổng diện tích 168m^2,

01 phòng thực hành diễn án và thực hành luật với diện tích 60m^2 và 01 nhà thể thao đa năng với diện tích 1.300m^2.

Về đào tạo kỹ năng thực hành thực nghiệm: Phòng thí nghiệm và phòng thực hành của Khoa đặt tại tầng 2 nhà A, trong đó các phòng được đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Về NCKH: Giai đoạn 2019 - 2024, khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật đã chủ trì và tham gia thực hiện 04 đề tài cấp bộ/tỉnh, 22 đề tài NCKH cấp cơ sở. GV trong Khoa đã công bố 05 giáo trình/sách chuyên khảo, 12 tài liệu học tập, 03 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 110 bài trên tạp chí khoa học trong nước, 02 bài trong hội thảo khoa học ngoài nước và 32 bài trong hội thảo khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa có 10 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

Về CTĐT: Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật được giao quản lý 01 CTĐT trình độ đại học là ngành Luật (được ban hành theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHSD ngày 03/3/2025) và các học phần giáo dục đại cương cho các ngành đào tạo của Nhà trường.

Cơ sở vật chất của Khoa được Nhà trường trang bị hiện đại, đáp ứng cho người học có môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất như: phòng thí nghiệm vật lý, phòng thực hành diễn án và thực hành luật, nhà thể thao đa năng với các phương tiện, thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế. Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường Đại học Sao Đỏ, Khoa Giáo dục đại cương và Pháp luật luôn đi đầu trong công tác giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên, lĩnh vực xã hội và pháp luật; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO LUẬT

2.1. Đáp ứng yêu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật và hoàn thiện đội ngũ công chức, viên chức, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Luật là những tiêu chuẩn, quy phạm, quy tắc mà nhà nước ban hành, có tính bắt buộc, mọi công dân phải chấp hành và tuân theo nhằm đảm bảo các quyền của công dân, bảo đảm trật tự xã hội và an ninh quốc gia, do đó ngành

luật có vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu đối với sự phát triển của mỗi quốc gia trên thế giới.

Pháp luật không sinh ra các quan hệ xã hội nhưng pháp luật là công cụ hữu hiệu để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Pháp luật quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể của chủ thể khi tham gia các quan hệ và các biện pháp bảo việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các quan hệ đó. Pháp luật tạo ra hành lang pháp lý, khuôn khổ cho các quan hệ xã hội vận hành. Nhờ có pháp luật, các thành viên trong xã hội nắm bắt được hành vi nào là hợp pháp, được khuyến khích, hành vi nào là bắt buộc, hành vi nào bị ngăn cấm, từ đó có cách ứng xử phù hợp.

Phổ biến, giáo dục pháp luật được xem là khâu đầu tiên của quá trình thực thi pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề, trong suốt quá trình lãnh đạo, quản lý, Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác này. Ngày 09/12/2003, Ban bí thư Trung Ương Đảng đã ra Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân, trong đó có đưa ra các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác nhau, như: phổ biến trực tiếp, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, pano, áp phích, tranh cổ động, niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, khu dân cư, …

Ngày 20 tháng 6 năm 2020, trong kết luận số 80/KL-TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện chỉ thị 32, Đảng ta đánh giá: “Qua hơn 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể như: Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị về vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được nâng lên; thể chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật từng bước được hoàn thiện; ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân có bước chuyển biến tích cực, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn còn hạn chế. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa quan tâm nhiều đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Phương thức, nội dung phổ biến giáo dục pháp luật, việc sử dụng nguồn lực tài chính và huy động nguồn lực xã hội phục vụ công tác này chưa thật hiệu quả. Sự phối hợp giữa công tác xây dựng pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật chưa

chặt chẽ. Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, nhân dân còn hạn chế"[1].

Đối với cán bộ công chức, viên chức - là lực lượng chủ chốt trong việc triển khai, thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thực tế cho thấy, hiện nay, nhiều cán bộ, viên chức chưa được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, dẫn đến việc xử lý các vấn đề pháp lý đôi khi chưa đúng, thiếu chuyên môn, làm ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

Do vậy, trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định, phải: "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước...; có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài... Đồng thời, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, bị xử lý kỷ luật, không còn uy tín đối với nhân dân"[2]. Ngày 09/11/2022, Ban Chấp hành trung ương tiếp tục ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó xác định rõ mục tiêu "đến năm 2030, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội". Đồng thời, đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng là: "Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Hiến pháp và pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới"; "tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật"; "đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả".

Để làm tốt phổ biến, giáo dục pháp luật, hoàn thiện cán bộ công chức, viên chức bám sát mục tiêu "thường tôn hiến pháp và pháp luật", việc mở ngành luật tại Trường Đại học Sao Đỏ là rất cần thiết nhằm giải quyết một phần lớn nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về luật. Việc đào tạo các cử nhân luật ở Đại học Sao Đỏ sẽ không chỉ cung cấp kiến thức pháp lý

---

[1] Ban Chấp hành Trung Ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Kết luận của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân

[2] *Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Tập I, trang 178 - 179.*

cơ bản mà còn đào tạo kỹ năng thực tế, giúp cán bộ công chức, viên chức có thể áp dụng luật vào công việc hàng ngày một cách chính xác và hiệu quả. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, khi mà yêu cầu về pháp lý ngày càng trở nên phức tạp và đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc.

2.2. Đáp ứng nhu cầu về nhân lực ngành Luật trong nước và ở địa phương

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ: "Hoàn thiện thể chế về Luật sư và hành nghề luật sư, bảo đảm để Luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật... Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ Luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, am hiểu pháp luật, giỏi về kỹ năng hành nghề và ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế...". Nhiệm vụ này đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan trong đó có Luật, Luật sư để nâng cao chất lượng đội ngũ Luật sư và chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý.

Từ thực tiễn yêu cầu cải cách tư pháp, hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của đất nước đòi hỏi việc cung cấp các dịch vụ pháp lý có chất lượng, được đáp ứng bằng một đội ngũ có phẩm chất và năng lực tốt về Luật.

Hiện nay nền kinh tế nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa. Các công ty nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty có vốn đầu tư nước ngoài,... không ngừng được mở rộng và phát triển. Điều đó đặt ra yêu cầu phải xây dựng một hành lang pháp lý chặt chẽ để vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, vừa đảm bảo một môi trường kinh doanh lành mạnh. Do đó, nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành Luật, có kiến thức về luật học, có kỹ năng chuyên sâu về kinh tế, đủ khả năng nghiên cứu, xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong hoạt động kinh doanh và quản lý nhà nước, quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài là vấn đề vô cùng quan trọng nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Nhà nước. Thêm nữa, đối với các doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có đội ngũ chuyên gia tư vấn luật sẽ giúp doanh nghiệp nắm rõ "bộ khung" pháp luật và là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra lợi thế cạnh tranh lành mạnh, giúp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra thuận lợi. Do vậy, việc mở ngành đào tạo Luật tại Trường Đại học Sao Đỏ là rất cần thiết.

Đối với Hải Dương, ngày 19/12/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1639/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định, đến năm 2030, Hải Dương "phấn đấu là tỉnh công nghiệp hiện đại, là trung tâm công nghiệp động lực của vùng đồng bằng sông Hồng, có quy mô nền kinh tế lớn trong cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; hệ thống đô thị phát triển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, giàu bản sắc; đạt một số tiêu chí cơ bản của thành phố trực thuộc Trung ương"[3] và xác định tầm nhìn đến năm 2050: "phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa xứ Đông và là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng. Là một đô thị hiện đại, xanh, thông minh, an ninh, an toàn, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng. Phát triển công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao phục vụ các hoạt động sản xuất trên địa bàn và toàn vùng; phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị tạo sự ổn định cho nền kinh tế"[4]. Thực hiện Quy hoạch trên, Uỷ ban nhân dân Tỉnh cũng xây dựng kế hoạch thực hiện đề án phát triển nhân lực tỉnh Hải Dương với mục tiêu chung: "Phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương đảm bảo quy mô, cơ cấu, chất lượng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Phấn đấu đào tạo lực lượng lao động có trình độ, có kĩ năng, kỹ thuật, tác phong công nghiệp, văn hóa và ý thức kỷ luật cao để xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030". Để đạt được mục tiêu này, tỉnh Hải Dương cần có một lực lượng lao động không chỉ giỏi về chuyên môn kỹ thuật mà còn cần có sự hiểu biết sâu sắc về pháp luật, đặc biệt cần có một đội ngũ nhân lực là những chuyên gia về pháp luật.

Bên cạnh đó, hiện nay, trong Tỉnh có rất nhiều doanh nghiệp lớn, nhỏ ra đời và đang ngày càng lớn mạnh, cần có một đội ngũ chuyên gia pháp lý có năng lực để hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định pháp luật và giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động. Chính đội ngũ luật sư, chuyên viên pháp lý và các cán bộ pháp lý sẽ giúp các doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý, đảm bảo quyền lợi hợp pháp và tạo dựng niềm tin cho các đối tác và nhà đầu tư.

Để có cơ sở xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành Luật, nhóm thực hiện đề án đã tiến hành khảo sát nhà tuyển dụng là cán bộ quản lý các doanh nghiệp, cơ quan pháp luật và cựu người học về nhu cầu nhân lực đối với ngành Luật.

---

[3] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tr4

[4] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tr5

Để đánh giá nhu cầu thực tế của tỉnh Hải Dương và một số tỉnh lân cận về nhu cầu nhân lực đối với ngành Luật. Nhóm xây dựng đề án đã tiến hành khảo sát 85 nhà tuyển dụng là cán bộ, nhân viên tại các doanh nghiệp, các cơ quan pháp luật quản lý tại xã, phường, thành phố. Kết quả 92,9% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng cần thiết mở ngành Luật. 90,6% nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng nhu cầu tuyển dụng trong tương lai ngành Luật sẽ tăng.

Nhà tuyển dụng đánh giá rất cao về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Luật cụ thể: mức độ rất cần thiết và cần thiết và sự hiểu biết về các khoa học xã hội nhân văn lĩnh vực Luật là trên 90% và đặc biệt nhà tuyển dụng đánh giá cao mức độ cần thiết của kỹ năng quản lý chất lượng công việc, tinh thần học hỏi trong công việc (rất cần thiết chiếm trên 70%). Với các câu hỏi về những yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp ngành Luật, hầu hết nhà tuyển dụng đều đánh giá cao cử nhân Luật các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; năng lực công nghệ thông tin; có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; tinh thần kỷ luật trong công việc,… Đồng thời, các nhà tuyển dụng cũng đóng góp thêm đối với người tốt nghiệp cử nhân Luật cần phải đam mê với công việc, thường xuyên học hỏi nâng cao trình độ, kiên trì và nhẫn nại,…

Với kết quả như vậy, có thể thấy tiềm năng người học đối với ngành Luật là rất lớn, cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là rất khả quan. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Thông qua khảo sát 158 cựu người học hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp và cơ quan pháp luật về mức độ cần thiết năng lực của người học ngành Luật, kết quả: cựu sinh viên đánh giá rất cao về tinh thần cầu thị, đòi hỏi trong công việc (rất cần thiết 75,95% và cần thiết: 17,09%); hiểu biết về lĩnh vực Luật (rất cần thiết: 66,31% và cần thiết: 24,97%); trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội (rất cần thiết: 62,02% và cần thiết: 27,85%); mức độ tự chủ trong công việc (rất cần thiết: 75,95% và cần thiết: 24,05%). Về những yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp ngành Luật, hầu hết cựu sinh viên đều đánh giá cao cử nhân Luật phải có các kỹ năng như: Năng lực ngoại ngữ; năng lực công nghệ thông tin; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng giao tiếp. làm việc nhóm và giải quyết vấn đề; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Luật tại Nhà trường sẽ cung cấp nguồn nhân lực có trình độ pháp lý cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, giúp các đơn vị của Tỉnh nói riêng và cả nước nói chung

thực hiện các giao dịch hợp pháp và các vấn đề pháp lý phát sinh một cách hiệu quả như: bảo vệ sở hữu trí tuệ, quản lý lao động, ký kết hợp đồng, bảo vệ quyền lợi người lao động…, giải quyết các tranh chấp hợp đồng và bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, từ đó, bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững của tỉnh Hải Dương cũng như cả nước trong thời gian tới.

2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ

Thực hiện theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương, Trường Đại học Sao Đỏ, với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; NCKH và CGCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển CTĐT theo mục tiêu xác định; đảm bảo sự liên thông giữa các CTĐT; triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo. Trong suốt những năm vừa qua, Trường Đại học Sao Đỏ đã thực hiện tốt sứ mệnh tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển của xã hội, của địa phương.

Với chức năng, nhiệm vụ được quy đinh, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn hiện nay: tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh nhằm thu hút người học và tăng tỷ lệ tuyển sinh hàng năm; tăng cường mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại phục vụ đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, bảo đảm tỷ lệ sinh viên có việc làm năm sau cao hơn năm trước; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; tích cực đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho giảng viên, viên chức và sinh viên; giữ vững khối đoàn kết, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh toàn diện; giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhà trường vững mạnh toàn diện, tất cả vì mục tiêu xây dựng và phát triển Nhà trường nhanh và bền vững.

Về chương trình đào tạo, Nhà trường hướng đến xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn về chất lượng nguồn nhân lực trong nước và quốc tế; gắn hoạt động đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng tỷ lệ tuyển sinh hàng năm để xây dựng Trường Đại học Sao Đỏ trở thành một cơ sở đào tạo theo định hướng đại học ứng dụng. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và

kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến, do vậy trong các ngành đào tạo của Nhà trường SV tốt nghiệp ra trường đáp ứng rất tốt yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Hiện nay, Trường Đại học Sao Đỏ cũng đang thực hiện chiến lược phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa. Việc mở ngành đào tạo Luật sẽ là cơ sở để Nhà trường cung cấp nguồn nhân lực ngành luật cho xã hội và là cơ hội để Nhà trường tiếp tục khẳng định vai trò, uy tín của mình trong việc đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Luật tại Trường Đại học Sao Đỏ là vô cùng cần thiết và phù hợp với yêu cầu của công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với người dân, người lao động, yêu cầu xây dựng, hoàn thiện đội ngũ công chức, viên chức và nhu cầu nguồn nhân lực ngành Luật, góp phần vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay. Việc mở ngành đào tạo Luật tại Trường Đại học Sao Đỏ sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho cả sinh viên, Nhà trường và cộng đồng.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT

Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành Luật, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành theo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo gồm 130 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất) và đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức quá trình đào tạo, cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

3.2. Các văn bản liên quan tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT

- Nghị quyết số 37/NQ-HĐT, ngày 22/04/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ tại kỳ họp thứ mười lăm nhiệm kỳ 2020 - 2025 về việc xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành Luật trình độ đại học.

- Nghị quyết số 68/NQ-HĐT, ngày 27/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ tại kỳ họp thứ mười hai nhiệm kỳ 2020 - 2025 về việc phê duyệt chủ trương mở ngành Luật, mã ngành 7380101 trình độ đại học.

- Kế hoạch 200/KH-ĐHSĐ ngày 13/12/2024 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Quyết định số 770/QĐ-ĐHSĐ ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập hội đồng xây dựng CTĐT trình độ đại học ngành Luật, mã ngành 7380101.

- Quyết định số 99/QĐ-ĐHSĐ ngày 26/2/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học ngành Luật, mã ngành 7380101.

- Biên bản Họp thẩm định CTĐT trình độ đại học, ngành Luật, mã ngành 7380101, ngày 01/3/2025.

- Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Sao Đỏ về việc thông qua chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật, mã ngành 7380101, ngày 03/3/2025.

- Quyết định số 104 /QĐ-ĐHSĐ ngày 03/3/2025 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật, mã ngành 7380101.

3.3. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành Luật có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 04 trường đại học trong nước và 01 trường đại học quốc tế.

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam (2024), chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật.

[2]. Học viện Phụ nữ Việt Nam, Việt Nam (2021), chương trình dạy học trình độ đại học ngành Luật.

[3]. Trường Đại học Luật - Đại học Huế, Việt Nam (2021), chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật.

[4]. Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam (2021), chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật.

[5]. Singapore university of social sciences, 463 Clementi Road, Singapore (2024), Banchelor Law.

3.4. Nội dung CTĐT

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Luật
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Luật (Law)
Mã ngành : 7380101
Hình thức đào tạo : Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành luật của trường Đại học Sao Đỏ có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khoẻ, có kiến thức vững vàng về nhà nước và pháp luật, đồng thời có kiến thức sâu về chuyên ngành pháp luật một cách toàn diện, hệ thống, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; có khả năng tự nghiên cứu và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản khoa học xã hội – nhân văn, ngoại ngữ vàtin học để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức cơ bản về nền tảng của khoa học pháp lý đào tạo ngành luật như Lịch sử Nhà nước và Pháp luật; Lý luận về Nhà nước và Pháp luật; Đạo đức nghề luật; Pháp luật về quyền con người.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về luật như: Hiến pháp, pháp luật hành chính; pháp luật hình sự, tố tụng hình sự; pháp luật dân sự, tố tụng dân sự; pháp luật kinh tế; pháp luật quốc tế phù hợp chuyên ngành Luật.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật; trình bày các vấn đề chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp, pháp lý bằng lời nói và văn bản; soạn thảo các văn bản pháp lý.

1.2.2.2. Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật; có năng lực tư duy logic, sáng tạo để giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể trong thực tế; có kỹ năng phát hiện, phản biện và giải quyết các vấn đề về pháp lý; có khả năng có năng lực tự học và khả năng học tập suốt đời để tiếp cận các vấn đề thuộc ngành luật.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, với chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc, nghiên cứu độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và biết chịu trách nhiệm trong công việc. Trung thành với tổ quốc, có tinh thần thượng tôn pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ công lý và quyền con người, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, thích ứng kịp thời với những thay đổi điều kiện làm việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, lập kế hoạch, tổ chức quản lý, giám sát và thực hiện công việc; có năng lực đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

1.2.4. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Luật; đảm nhận được công việc ở các vị trí:

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, công an,... và các cơ quan nhà nước khác từ trung ương xuống địa phương; làm việc tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội.

- Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp.

- Làm luật sư, tư vấn viên trong các tổ chức hành nghề luật sư trong và ngoài nước; làm việc trong các văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại; chuyên viên pháp chế, tư vấn viện trong doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng….

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo hoặc nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan.

- Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội – nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

2.1.4. Áp dụng được các kiến thức nền tảng về Lý luận Nhà nước và pháp luật; đạo đức nghề luật; lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật.

2.1.5. Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật gồm: Hiến pháp, pháp luật hành chính; pháp luật hình sự, tố tụng hình sự; pháp luật dân sự, tố tụng dân sự; pháp luật kinh tế; pháp luật quốc tế trong nghề nghiệp.

2.1.6. Vận dụng các kiến thức tổng hợp đã học để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả trong công việc;

2.2.2. Tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin, quy định của pháp luật.

2.2.3. Phản biện được các vấn đề liên quan đến lĩnh vực pháp lý.

2.2.4. Thực hành nghề luật, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý.

2.2.5. Diễn đạt, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có sức khỏe để đáp ứng công việc của ngành.

2.3.2. Hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.

2.3.3. Trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước,

có phẩm chất, đạo đức nghề luật; Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực pháp lý.

2.3.4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến công việc chuyên môn.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 TC (chưa bao gồm Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh tốt nghiệp THPT

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo TC, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**43**	**29**	**14**
8.1.1		**Lý luận chính trị**	**11**	**11**	**0**
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.1.2		**Khoa học xã hội - nhân văn**	**6**	**6**	**0**
6	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
7	KHXH 007	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
8	LUAT 038	Logic học đại cương	2	2	0
8.1.3		**Ngoại ngữ** *(chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)*	**8**	**8**	**0**
8.1.3.1		**Tiếng Anh**	**8**	**8**	**0**
9	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
10	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
11	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
8.1.3.2		**Tiếng Trung Quốc**	**8**	**8**	**0**
12	TTRUNG015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
13	TTRUNG016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
14	TTRUNG017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
8.1.4		**Tin học**	**4**	**2**	**2**
15	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1.5		**Kỹ năng mềm**	**3**	**2**	**1**
16	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
8.1.6		**Giáo dục thể chất**	**3**	**0**	**3**
17	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
8.1.7		**Giáo dục quốc phòng và an ninh**	**8 TC (165 tiết)**		
18	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
8.2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**	**98**	**60**	**38**
8.2.1		**Kiến thức cơ sở ngành**	**25**	**22**	**3**
19	LUAT 001	Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý	2	2	0
20	LUAT 002	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2	2	0
21	LUAT 003	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	2	0
22	LUAT 004	Đạo đức nghề luật	2	2	0
23	LUAT 005	Kỹ năng lập luận và tranh luận	3	2	1
24	LUAT 007	Luật hiến pháp Việt Nam	3	2	1
25	LUAT 012	Luật hành chính Việt Nam	3	2	1
26	LUAT 008	Luật hình sự 1	2	2	0
27	LUAT 010	Luật dân sự 1	2	2	0
28	LUAT 017	Luật thương mại 1	2	2	0
29	LUAT 018	Công pháp quốc tế	2	2	0
8.2.2		**Kiến thức ngành, chuyên ngành**	**63**	**38**	**25**
8.2.2.1		**Phần bắt buộc**	**47**	**33**	**14**
30	LUAT 028	Xây dựng văn bản pháp luật	2	2	0
31	LUAT 025	Luật đất đai	2	1	1
32	LUAT 014	Luật tố tụng hành chính	3	2	1
33	LUAT 006	Pháp luật về quyền con người	2	2	0
34	LUAT 009	Luật hình sự 2	3	2	1
35	LUAT 022	Tội phạm học	3	2	1
36	LUAT 015	Luật tố tụng hình sự	3	2	1
37	LUAT 011	Luật dân sự 2	3	2	1
38	LUAT 020	Luật hôn nhân và gia đình	3	2	1
39	LUAT 016	Luật tố tụng dân sự	3	2	1
40	LUAT 021	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0
41	LUAT 038	Luật thương mại 2	3	2	1
42	LUAT 024	Luật tài chính	3	2	1
43	LUAT 026	Luật thương mại quốc tế	3	2	1
44	LUAT 013	Tư pháp quốc tế	3	2	1
45	LUAT 019	Luật về phòng, chống tham nhũng	3	2	1
46	LUAT 023	Luật lao động	3	2	1
8.2.2.2		**Phần tự chọn**	**16**	**4**	**12**
a)		**Phần tự chọn 1** *(chọn 1 trong 5 học phần sau)*	**3**	**2**	**1**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
47	LUAT 029	Luật môi trường	3	2	1
48	LUAT 030	Luật thuế	3	2	1
49	LUAT 031	Luật cạnh tranh	3	2	1
50	LUAT 032	Luật so sánh	3	2	1
51	LUAT 027	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	2	1
b)		**Phần tự chọn 2** *(chọn 1 trong 3 học phần sau)*	**3**	**2**	**1**
52	LUAT 033	Kỹ năng tư vấn pháp luật	3	2	1
53	LUAT 034	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	2	1
54	LUAT 035	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	3	2	1
c)		**Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế**	**10**	**0**	**10**
55	LUAT 036	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự và thi hành án hình sự	5	0	5
56	LUAT 037	Hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự và thi hành án dân sự	5	0	5
8.2.3		**Thực tập, trải nghiệm**	**10**	**0**	**10**
57	LUAT 401	Thực tập chuyên đề	3	0	3
58	LUAT 402	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
Tổng (tín chỉ)			**141**	**89**	**52**

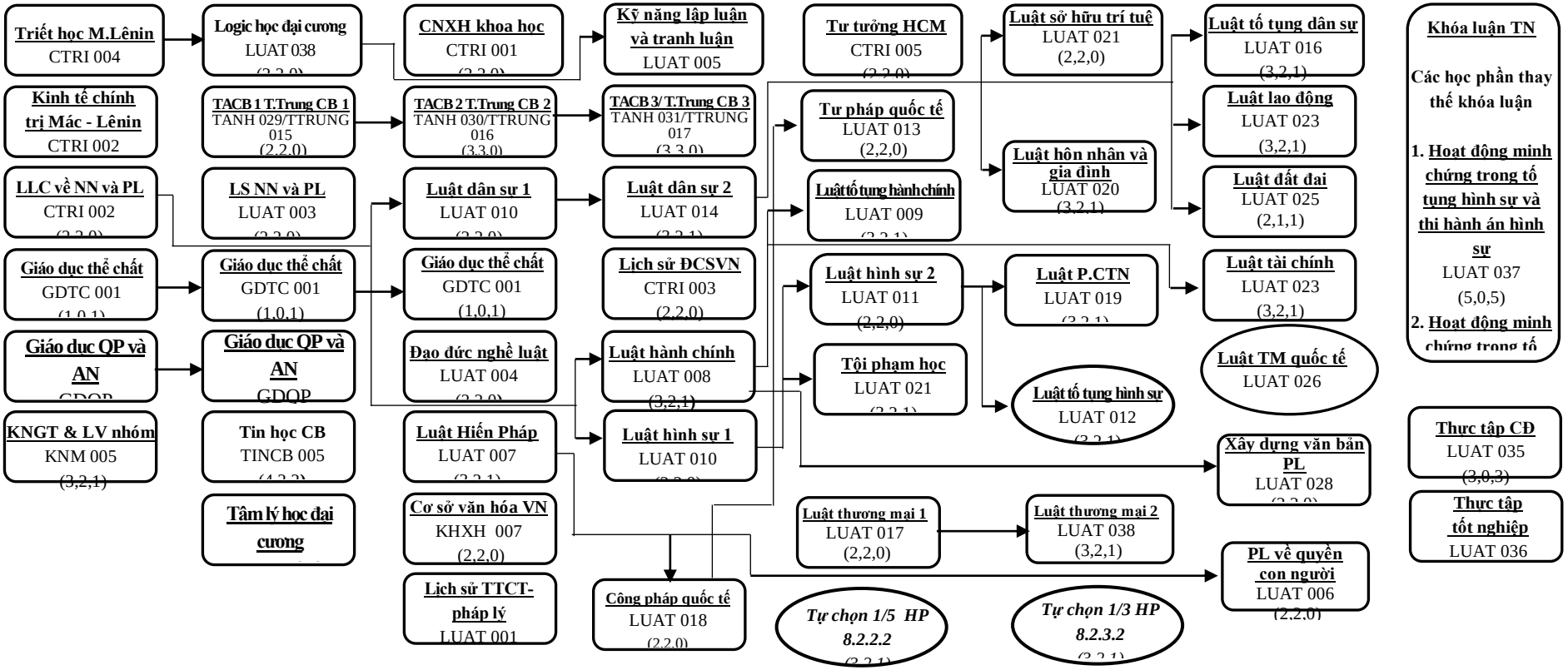
9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CTĐ

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2								3				3		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2								3				3		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2								3				3		4	
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2								3				3		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								3				3		4	
6.	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2								3				3		4	
7.	KHXH 007	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2							3				3			4
8.	LUAT 009	Logic học đại cương		2							3				3		4	
9.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		2										3	3			
10.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		3										3	3			
11.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3										3	3			
12.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		2										3	3			
13.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		2										3	3			
14.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3										3	3			
15.	TINCB 005	Tin học đại cương			3				4				3		3	3		
16.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm		2					3		3				3		4	
17.	GDTC	Giáo dục thể chất	2								3				3			
18.	GDQP	Giáo dục quốc phòng – An ninh	2								4				3		4	
19.	LUAT 001	Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý				3							3		3			
20.	LUAT 002	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật				3							3		3			
21.	LUAT 003	Lịch sử nhà nước và pháp luật				3							3		3			
22.	LUAT 004	Đạo đức nghề luật				3		4			4	4			3		4	
23.	LUAT 005	Kỹ năng lập luận và tranh luận				3		4	3		4	4			3		4	
24.	LUAT 007	Luật Hiến pháp Việt Nam					3			4	4	4			3		4	
25.	LUAT 012	Luật hành chính Việt Nam					3						4		3			
26.	LUAT 008	Luật hình sự 1					3				4		3		3			
27.	LUAT 010	Luật dân sự 1					3				4		3		3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
28.	LUAT 017	Luật thương mại 1					3				3		3		3			
29.	LUAT 018	Công pháp quốc tế					3				3		3		3			
30.	LUAT 028	Xây dựng văn bản pháp luật					3	4		4		4	4		3	4	4	
31.	LUAT 025	Luật đất đai					3				3		3		3			
32.	LUAT 014	Luật tố tụng hành chính					3	4	3	4			4		3		4	
33.	LUAT 006	Pháp luật về quyền con người				3					4		3		3	3		
34.	LUAT 009	Luật hình sự 2					3				4		3		3			
35.	LUAT 022	Tội phạm học					3				3		3		3			
36.	LUAT 015	Luật tố tụng hình sự					3	4	3	4			4		3		4	
37.	LUAT 011	Luật dân sự 2					3				4		3		3			
38.	LUAT 020	Luật hôn nhân và gia đình					3				3		3		3			
39.	LUAT 016	Luật tố tụng dân sự					3	4	3	4	3		4		3		4	
40.	LUAT 021	Luật sở hữu trí tuệ					3				3		3		3			
41.	LUAT 038	Luật thương mại 2					3				3		4		3			
42.	LUAT 024	Luật tài chính					3				3		3		3			
43.	LUAT 026	Luật thương mại quốc tế					3				3		3		3			
44.	LUAT 013	Tư pháp quốc tế					3				3		3		3			
45.	LUAT 019	Luật về phòng, chống tham nhũng					3	4			4		3		3		4	
46.	LUAT 023	Luật lao động					3				3		3		3	4		
47.	LUAT 029	Luật môi trường					3				3		3		3			
48.	LUAT 030	Luật thuế					3				3		3		3			
49.	LUAT 031	Luật cạnh tranh					3				3		3		3			
50.	LUAT 032	Luật so sánh					3				3		3		3		4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
51.	LUAT 027	Pháp luật cộng đồng ASEAN					3	4			3		3		3			
52.	LUAT 033	Kỹ năng tư vấn pháp luật				3	3	4		4	4		4		3		4	4
53.	LUAT 034	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng				3	3	4	3	4		4	4		3		4	5
54.	LUAT 035	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại				3	3	4	3		4		4	3	3		4	4
55.	LUAT 036	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự và thi hành án hình sự					3	5		5	4		4	3	3		4	
56.	LUAT 037	Hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự và thi hành án dân sự					3	5		5	4		4	3	3		4	
57.	LUAT 401	Thực tập chuyên đề						5	3			5	4	3	3	4	4	4
58.	LUAT 402	Thực tập tốt nghiệp						5	3			5	4	3	3	4	4	5

3.5. Kế hoạch đào tạo



Hình 3.1. Kế hoạch đào tạo ngành Luật trình độ đại học

3.6. Hướng dẫn thực hiện chương trình

SV xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa bằng cách liệt kê các học phần phải học cho từng học kỳ của khoá học. Kế hoạch học tập được CVHT, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để SV đăng ký học phần trong mỗi học kỳ. Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường thông báo cho SV những học phần sẽ giảng dạy trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng.

SV phải thực hiện đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu (SV mới trúng tuyển, không phải đăng ký học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học). Các học phần đăng ký phải theo kế hoạch học tập.

Trước mỗi học kỳ SV vào hệ thống lập kế hoạch học tập, SV chỉ được đăng ký học phần cho học kỳ đó khi có lập kế hoạch học tập. Mỗi năm học được tổ chức thành ba học kỳ (trong đó có 02 học kỳ chính (học kỳ I và học kỳ II) và học kỳ phụ (học kỳ III):

+ Học kỳ I và học kỳ II là các học kỳ chính kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 01 tuần dự phòng và thi những học phần lẻ, 02 tuần thi học phần chung, 01 tuần xử lý kết quả và 01 tuần nghỉ giữa hai học kỳ. Học kỳ I bắt đầu vào đầu tháng 8 đến cuối tháng 12, học kỳ II bắt đầu vào đầu tháng 01 đến cuối tháng 5.

+ Học kỳ III là học kỳ phụ kéo dài 8 tuần; trong đó gồm 05 tuần học, 03 tuần thi và xử lý kết quả. Học kỳ III bắt đầu vào tháng 6 đến cuối tháng 7. học kỳ III giúp SV rút ngắn thời gian học, cải thiện kết quả học tập. Không bắt buộc SV phải học học kỳ III. Kết quả học tập của học kỳ III không dùng vào việc xét học bổng, khen thưởng hay kỷ luật SV.

- Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, mỗi học kỳ SV đăng ký với số lượng TC như sau:

+ *Học kỳ chính*: SV được đăng ký tối đa 25 TC/học kỳ. Đối với học kỳ đầu tiên, SV không phải đăng ký học phần. Các học phần của học kỳ này sẽ do Nhà trường bố trí.

+ *Học kỳ phụ*: SV đăng ký tối đa 8 TC/học kỳ. Trường không bắt buộc SV phải học học kỳ này.

Hướng dẫn thực hiện tích lũy điểm học phần:

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được GV phụ trách học phần nhập điểm vào phần

mềm quản lý quản lý đào tạo của Nhà trường và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi như bảng 3.1.

Bảng 3.1. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
Nhỏ hơn 4,0	F	0,0

3.7. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.7.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ Quy chế tuyển sinh của BGDĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành như sau:

- Ngành đào tạo: Luật
- Mã ngành: 7380101
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã trường tuyển sinh: SDU
- Tổ hợp môn xét tuyển sinh:

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lý;

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử;

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý;

C14: Ngữ văn, Toán, GDKT&PL.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).
- Thời gian đào tạo: 4 năm

3.7.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và

CGCN; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho SV khi tốt nghiệp ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường Đại học Sao Đỏ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Nhà trường được quy trình hóa, số hóa và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận ĐBCL chuyên trách, hằng năm xây dựng kế hoạch ĐBCL tập trung vào hai hoạt động chính đó là khảo thí và ĐBCL. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập:

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua hệ thống khảo sát của Nhà trường. Thời điểm lấy ý kiến người học được thực hiện sau khi kết thúc học phần, khóa học. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học bao gồm: Nội dung, mức độ và được thông báo tới các phòng chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và GV.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Khoa Giáo dục Đại cương và Pháp luật được giao nhiệm vụ chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo ngành Luật, trình độ đại học. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Luật gồm có 38 giảng viên, nhà khoa học tham gia, trong đó có 14 tiến sĩ, chiếm 36,84% và 24 thạc sĩ, chiếm 63,16%. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Luật, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của

BGDĐT theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022, cụ thể như sau:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là GV cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT: TS. Nguyễn Vinh Diện, ngành đào tạo Luật kinh tế tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Có 04 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có GV với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

+ TS. Nguyễn Chí Dũng, ngành đào tạo Luật học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, cốt lõi ngành nhóm kiến thức về luật Hình sự và Tố tụng hình sự.

+ TS. Trần Thị Hiền, chuyên ngành đào tạo Luật Hành chính: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức ngành và cốt lõi ngành nhóm kiến thức về luật Hiến pháp và luật Hành chính.

+ TS. Nguyễn Văn Nam, chuyên ngành đào tạo Luật học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức ngành và cốt lõi ngành về luật quốc tế.

+ TS. Đức Thị Hoà, chuyên ngành đào tạo Luật dân sự và tố tụng dân sự: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, nhóm kiến thức về pháp luật dân sự, tố tụng dân sự.

TS. Nguyễn Vinh Diện, chuyên ngành đào tạo Luật kinh tế: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức ngành và cốt lõi ngành về pháp luật kinh tế.

Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT ngành Luật

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
1.	Nguyễn Chí Dũng 20/10/1960		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Luật học	2024	
2.	Trần Thị Hiền 01/02/1966		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Luật Hành chính- Hiến pháp	2025	
3.	Nguyễn Vĩnh Diện		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	2025	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
	08/05/1977					
4.	Nguyễn Văn Nam 01/10/1983		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Luật học	2025	
5.	Đức Thị Hoà 27/07/1973		Tiến sĩ, Việt Nam	Luật dân sự và tố tụng dân sự	2025	
6.	Phạm Thị Mai, 20/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Luật học	2006	
7.	Phan Thị Hương 28/01/1985		Thạc sỹ Việt Nam, 2013	Luật học	2025	
8.	Chu Hải Đăng 20/11/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Luật học	2025	
9.	Phạm Văn Huân 27/10/1978		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Luật học	2025	
10.	Phạm Xuân Đức, 10/02/1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Triết học	2004	
11.	Trần Thị Hồng Nhung, 21/6/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	2007	
12.	Nguyễn Mạnh Tưởng, 12/11/1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	2001	
13.	Phùng Thị Lý, 08/10/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2007	
14.	Nguyễn Thị Hiền, 10/3/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	2008	
15.	Nguyễn Thị Hải Hà, 07/11/1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lịch sử Đảng	2006	
16.	Đỗ Thị Thùy, 13/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	2009	
17.	Đặng Thị Dung, 09/8/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử Đảng	2010	
18.	Hà Đình Soát, 17/05/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	2004	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
19.	Phạm Anh Dũng, 04/6/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học thể dục thể thao	2002	
20.	Vũ Tiến Hiếu, 19/11/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giáo dục thể chất	2008	
21.	Hoàng Thị Ngát, 13/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	2008	
22.	Vũ Bảo Tạo, 17/3/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	CNTT	2003	
23.	Nguyễn Thị Hương Huyền, 20/10/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Văn hóa học	2006	
24	Nguyễn Đăng Tiến, 16/2/1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Địa lý Tài nguyên và Môi trường	2006	
25.	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2003	
26.	Trần Thị Mai Hương, 04/02/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	2009	
27.	Vũ Thị Lương, 01/01/1978		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2001	
28.	Trần Hoàng Yến, 01/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2007	
29.	Tăng Thị Hồng Minh, 15/10 /1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếngAnh	2010	
30.	Phạm Thị Hồng Trang, 16/8/1990		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	2020	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
31.	Bùi Thị Trang, 17/5/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2010	
32.	Nguyễn Thị Xuyên, 16/11/1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2013	
33.	Nguyễn Thị Lan, 07/8/1980		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2006	
34.	Phạm Thị Hồng Hoa, 23/5/1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế quốc tế	2002	
35.	Phạm Văn Dự 21/7/1984		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	2008	
36.	Nguyễn Thị Nhan 01/01/1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2010	
37.	Vũ Văn Đông 18/11/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế học	2008	
38	Nguyễn Thị Kim Nguyên, 02/07/1975		Tiến sĩ, Việt Nam,2015	Kinh tế chính trị	2005	

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

- Các công trình đề tài

Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1.	423/QĐ-ĐHSĐ, 17/10/2018 12.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Xây dựng nét văn hóa đặc trưng của sinh viên ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	28/QĐ-ĐHSĐ, 18/2/2019	24/05/2019	Đạt	ThS. Vũ Văn Đông ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng ThS. Trần Thị Hồng Nhung	
2.	423/QĐ-ĐHSĐ, 17/10/2018 13.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Nghiên cứu hoạt động nhóm bạn cùng sở thích, ứng dụng nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho sinh viên năm thứ nhất trường ĐHSĐ	ThS. Vũ Tiến Hiếu	28/QĐ-ĐHSĐ, 18/2/2019	24/05/2019	Đạt	ThS. Phạm Thị Mai ThS. Nguyễn Thanh Tuấn ThS. Quán Thanh Tùng	
3.	423/QĐ-ĐHSĐ, 17/10/2018 18.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh theo CĐR cho sinh viên khối ngành kỹ thuật Trường ĐHSĐ đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp	ThS. Trịnh Thị Chuyên	28/QĐ-ĐHSĐ, 18/2/2019	27/5/2019	Đạt	ThS. Đặng Thị Thanh ThS.Vũ Thị Lương	

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
4.	423/QĐ-ĐHSĐ, 17/10/2018 19.KHCN/18-19	Cấp cơ sở	Xây dựng tuyến điểm du lịch nhân văn trên địa bàn tỉnh Hải Dương phục vụ môn học Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cho sinh viên trường ĐHSĐ	ThS.Nguyễn Thị Sao	28/QĐ-ĐHSĐ, 18/2/2020	27/5/2019	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Hương Huyền ThS. Nguyễn Thị Thảo	
5.	312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ĐHSĐ	ThS. Phạm Xuân Đức	193/QĐ-ĐHSĐ, 3/06/2020	04/7/2020	Đạt	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng ThS. Trần Thị Hồng Nhung ThS. Nguyễn Thị Hiền	
6.	312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Hà Đình Soát	193/QĐ-ĐHSĐ, 3/06/2020	15/7/2020	Đạt	ThS.Vũ Tiến Hiếu ThS. Nguyễn Đức Thuấn ThS. Quán Thanh Tùng ThS. Phạm Anh Dũng	
7.	483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 10.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Văn hóa sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng	199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	24/9/2021	Đạt	ThS.Nguyễn Thị Hiền ThS. Phạm Thị Mai	
8.	483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	307/QĐ-ĐHSĐ,	24/9/2021	Đạt	ThS.Nguyễn Thị Tình ThS. Đỗ Thị Thùy ThS. Đặng Thị Dung	

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			luận chính trị tại trường ĐHSĐ		16/8/2021				
9.	483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường ĐHSĐ	ThS. Đặng Thị Minh Phương	199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	2/6/2021	Đạt	ThS.Trần Hoàng Yến ThS. Tăng Thị Hồng Minh	
10.	483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 22.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao hiệu qyar hoạt động trải nghiệm cho sinh viên ngành Việt Nam học, trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Hương Huyền	481/QĐ-ĐHSĐ, 6/12/2021	12/12/2021	Đạt	ThS.Nguyễn Thị Sao	
11.	434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tại trường ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	232/QĐ-ĐHSĐ, 31/5/2022	3/6/2022		ThS. Nguyễn Thị Tình ThS. Đặng Thị Dung ThS. Đỗ Thị Thùy	
12.	434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 26.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình liên kết các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	327/QĐ-ĐHSĐ, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	ThS. Phạm Xuân Đức ThS. Nguyễn Thị Hiền ThS. Phạm Thị Mai ThS. Lê Thị Huyền	
13.	434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 27.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của	ThS. Nguyễn Đức Thuấn	327/QĐ-ĐHSĐ,	7/7/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Mạnh Tưởng ThS. Hà ĐÌnh Soát ThS. Vũ Tiến Hiếu	

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			viên chức và sinh viên Trường ĐHSĐ		30/6/2022			ThS. Quán Thanh Tùng	
14.	434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 28.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Thành lập bản đồ tài nguyên du lịch khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch.	TS. Nguyễn Đăng Tiến	284/QĐ-ĐHSĐ, 24/06/2022	06/2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Lan ThS.Bùi Thị Trang	
15.	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 10.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Xây dựng dữ liệu, số hoá đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo	Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSĐ, ngày 20/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Hường	
16.	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 11.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số	Phạm Thị Hường	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. Phạm Văn Kiên	
17.	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 12.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Hiệu chỉnh nâng cao chất lượng website các Khoa và Nhà trường	Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSĐ, ngày 20/6/2022	22/6/2022	Đạt	Phạm Thị Hường	
18.	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021,	cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc	Vũ Bảo Tạo	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/06/2022	11/6/2022	Đạt	1. Vũ Bảo Tạo 2. Nguyễn Thị Thu 3. Nguyễn Phúc Hậu	

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	08.KHCN/21-22		của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ						
19.	554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 10.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông thôn mới của tỉnh Hải Dương.	TS. Nguyễn Đăng Tiến	271/QĐ-ĐHSĐ, 23/06/2023	25/06/2023	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Lan ThS.Bùi Thị Trang	
20.	554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 11.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng kỹ năng nghiệp vụ bổ trợ (kỹ năng tổ chức hoạt náo) cho sinh viên ngành du lịch ở trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Sao	271/QĐ-ĐHSĐ, 23/06/2023	25/6/2023	Đạt	ThS.Nguyễn Thị Hương Huyền ThS.Nguyễn Thị Xuyên	
21.	554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường ĐHSĐ	ThS. Phùng Thị Lý	222/QĐ-ĐHSĐ, 26/52023	6/7/2023	Đạt	ThS.Phạm Xuân Đức ThS.Nguyễn Thị Hải Hà ThS. Phạm Thị Mai	
22.	594/QĐ-ĐHSĐ, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Tình	222/QĐ-ĐHSĐ, 26/52023	5/30/2023	Đạt	TS. Phạm Thị Hồng Hoa ThS.Đỗ Thị Thùy ThS. Đặng Thị Dung	

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
23.	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2022, 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Xuất sắc	1. Phạm Văn Kiên 2. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
24.	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Tâm 3. Phạm Thị Hường 4. Hoàng Thị An	
25.	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng IC3 trên hệ thống học trực tuyến E-learning của Trường ĐHSĐ	Ths. Vũ Bảo Tạo	Số 346/QĐ-ĐHSĐ, ngày 13/6/2023	16/6/2022	Đạt	1. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2. Vũ Thị Ánh Tuyết	
26.	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường Đại học Sao Đỏ	Ths. Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Tâm 3. Phạm Thị Hường 4. Hoàng Thị An	
27.	Số 594/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường	Ths. Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Tâm 3. Phạm Thị Hường 4. Hoàng Thị An	

TT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			Đại học Sao Đỏ						
28.	Số 297/QĐ-SKHCN, ngày 12/12/2019	Cấp tỉnh	Xây dựng mô hình liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập quốc tế	TS. Nguyễn thị Kim Nguyên	Số 225/QĐ-SKHCN, ngày 09/9/2019	9/2019	Khá	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Nguyễn Thị Hải Hà 3. Phùng Thị Lý 4. Vũ Đức Trọng 4. Nguyễn Đình Nguyên 5. Nguyễn Thị Tâm 6. Trần Thị Bích Vân 7. Phạm Văn Dự	
29.	Số 128/QĐ-SKHCN, ngày 08/8/2022	Cấp tỉnh	Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số 66/QĐ-SKHCN, ngày 26/5/2022	03/6/2022	Khá	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Phạm Văn Dự 3. Phùng Thị Lý 4. Nguyễn Viết Tuân 5. Nguyễn Thị Thanh Bình 6. Nguyễn Thị Thanh Nhài 7. Nguyễn Thanh Bình 8. Lê Thị Mai 9. Tạ Thị Thúy Ngân	

- Công trình là bài báo khoa học, sách tham khảo

Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Lê Văn Sơn (số 1, 2018), Nghiên cứu, thiết kế robot lau bảng điều khiển bằng sóng RF, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
2.	Trần Hoàng Yến (số 1, 2018), Nhân sinh quan trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
3.	Đặng Thị Thanh (số 1, 2018), Sử dụng các nhiệm vụ mô phỏng trong giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
4.	Trần Thị Hồng Nhung, Phạm Xuân Đức (số 1, 2018), Xây dựng ý thức chính trị xã hội chủ nghĩa cho sinh viên trường ĐHSĐ hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
5.	Lê Đức Thọ, Phạm Xuân Đức, (số 1, 2018), Quan điểm Hồ Chí Minh về chữ "trung" và sự vận dụng quan điểm đó trong giáo dục đạo đức cho sinh viên các trường cao đẳng nghề ở Đà Nẵng hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
6.	Nguyễn Đăng Tiến (số 2, 2018), Phân vùng địa lý tự nhiên khu vực Quảng Ninh và Hải Phòng - cơ sở khoa học cho phát triển du lịch bền vững, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
7.	Nguyễn Thị Luyến, Đặng Thị Dung (số 2, 2018), Lý tưởng phụng sự xã hội của thanh niên Phật tử trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
8.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung (số 2, 2018), Tố cáo chế độ phong kiến và ý thức tự hào, tự tôn văn hóa dân tộc - nội dung cốt lõi trong tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỉ XVIII, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
9.	Nguyễn Mạnh Tưởng, (số 3, 2018), Nâng cao năng lực tiêu thụ sản phẩm cho công ty Cổ phần Trúc Thôn ở Chí Linh, Hải Dương, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
10.	Nguyễn Thị Hải Hà, (số 3, 2018), Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
11.	Phạm Thị Hường, Phạm Văn Kiên, Đỗ Ngọc Quỳnh, (số 4, 2018), Phương pháp DEC-SVM phân lớp dữ liệu mất cân bằng, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
12.	Nguyễn Thị Sao, Trần Thị Mai Hương (số 4, 2018), Nâng cao hiệu quả đào tạo hướng dẫn viên du lịch tại trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
13.	Nguyễn Thị Lan (số 1,2019), Phân tích đánh giá nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
14.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Văn Đông (số 1, 2019), Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
15.	Nguyễn Thị Hương Huyền, Vũ Thị Lương (Sô 4, 2019), Phát triển kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ cho sinh viên ngành Việt Nam học trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
16.	Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Xuyên, (số 4, 2019), Một vài đề xuất khi vận dụng từ Hán Việt trong giảng dạy từ vựng tiếng Hán giai đoạn sơ cấp, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
17.	Nguyễn Thị Hiền, Phạm Thị Hồng Hoa (số 4, 2019), Ảnh hưởng của cách mạng xã hội đến sinh viên ĐHSĐ trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
18.	Nguyễn Thị Hải Hà, (số 4, 2019), yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
19.	Đặng Thị Dung, Trịnh Thị Chuyên, Nguyễn Thị Tình (số 1, 2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
20.	Nguyễn Đăng Tiến (số 2, 2020), Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch phục vụ nghiên cứu, phát triển du lịch tỉnh Hải Dương bằng công nghệ GIS, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
21.	Nguyễn Thị Sao, Nguyễn Thị Hương Huyền, Nguyễn Thị Xuyên (2023), Phát triển hoạt động tổ chức Teambuilding cho sinh viên du lịch Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ, số 3 (83), trang 87 -91.	Bài báo
22.	Phạm Xuân Đức, (số 2, 2020), Học tập phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
23.	Trần Hoàng Yến (số 2, 2020), Phát huy những giá trị tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của lệ làng trong việc xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
24.	Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Lan (số 3,2020), Một vài suy nghĩ về việc dạy thành ngữ tiếng hán cho sinh viên giai đoạn cao cấp, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
25.	Phạm Thị Hồng Hoa (số 4, 2020), Chính sách an sinh xã hội của Thái Lan và một số bài học cho Việt Nam, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
26.	Nguyễn Thị Xuyên (số 4, 2020), Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học chữ đa âm trong tiếng Hán tại trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
27.	Đặng Thị Dung (số 4, 2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới và sự vận dụng của Đảng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
28.	Phạm Thị Hồng Hoa (số 1, 2021), Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
29.	Đặng Thị Minh Phương, Trần Hoàng Yến, Tăng Thị Hồng Minh (số 1, 2021), Nghiên cứu thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
30.	Phùng Thị Lý (số 1, 2021), Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
31.	Nguyễn Thị Lan, Bùi Thị Trang (số 2, 2021), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa DL&NN Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
32.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (số 2, 2021), Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
33.	Hoàng Thị An, Phạm Văn Kiên (số 3, 2021), Ứng dụng Detectron2 trong phân loại quả cà chua, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
34.	Nguyễn Thị Hương Huyền, Nguyễn Thị Sao (số 3, 2021), Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm thực tế cho sinh viên chuyên ngành Hướng dẫn du lịch, Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
35.	Nguyễn Thị Thảo, Trần Thị Mai Hương (số 3, 2021), Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
36.	Nguyễn Thị Hiền (số 3, 2021), Giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở Trường ĐHSĐ hiện nay trong điều kiện tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
37.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Thị Mai (số 3, 2021), Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
38.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Chương (số 3, 2021), Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỉ XVIII, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
39.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (số 1, 2022), Nguồn nhân lực Việt Nam - góc nhìn từ thực trạng giáo dục phổ thông, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
40.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (số 1, 2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
41.	Phạm Xuân Đức (số 1, 2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
42.	Đỗ Thị Thùy, Đặng Thị Dung (số 1, 2022), Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng - liên hệ trong giảng dạy Triết học Mác - Lê Nin tại Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
43.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Xuân Đức (số 1, 2022), Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID tại Việt Nam, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
44.	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Hoàng Thị An (số 2, 2022), Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
45.	Trần Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thảo (số 2, 2022), Phát triển du lịch bền vững thành phố Chí Linh trong xu thế hội nhập toàn cầu, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
46.	Nguyễn Thị Hải Hà (số 2, 2022), Giải pháp nâng cao chất lượng tự học học phần lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
47.	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà (số 2, 2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
48.	Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai, Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Huyền (số 2, 2022), Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường ĐHSĐ: thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
49.	Nguyễn Thị Nhan, Vũ Tiến Hiếu (số 2, 2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênnin, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
50.	Vũ Bảo Tạo (số 3, 2022), Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
51.	Nguyễn Thị Sao, Nguyễn Thị Xuyên, Tăng Thị Hồng Minh (số 3, 2022), Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động marketing địa phương nhằm phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
52.	Trần Thị Hồng Nhung (số 3, 2022), Bình đẳng về giới trong gia đình ở nông thôn Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
53.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Hiền (số 3, 2022), Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên Trường ĐHSĐ hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
54.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa (số 4, 2022), Cơ hội và thách thức trong phát triển thương mại sạch hơn tại Việt Nam, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
55.	Nguyễn Mạnh Tưởng (số 4, 2022), Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà đồi cho các hộ nông dân ở thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
56.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (số 4, 2022), Dịch vụ du lịch của thành phố Chí Linh, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
57.	Phạm Thị Mai, Đỗ Thị Thùy (số 4, 2022), Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường ĐHSĐ trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
58.	Đặng Thị Dung, Đỗ Thị Thùy (số 4, 2022), Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
59.	Nguyễn Đăng Tiến (số 1, 2023), Đánh giá tài nguyên du lịch và điều kiện sinh khí hậu cho phát triển loại hình du lịch tham quan tự nhiên khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
60.	Trần Thị Hiền, Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân 2019	Giáo trình
61.	Trần Thị Hiền, Tư pháp đối với người chưa thành niên, Nhà xuất bản Tư pháp 2020	Giáo trình
62.	Trần Thị Hiền, Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân 2019. Chủ biên: TS. Trần Minh Hương.	Giáo trình
63.	Trần Thị Hiền (2022), Những điểm mới về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020, tr30-36,Tạp chí Nghề Luật. số tháng 4 năm 2022	Bài báo
64.	Trần Thị Hiền (2023), Ủy quyền hành chính và vấn đề giải quyết vụ án hành chính, tr 36 -40, Tạp chí Luật học, số 6 năm 2023	Bài báo
65.	Trần Thị Hiền (2023), Kiểm soát quyền lập quy bởi Tòa án ở Việt Nam hiện nay, Tr144 – 149, Tạp chí giáo dục và xã hội, số tháng 9- 2023	Bài báo
66.	Trần Thị Hiền (số 4/2024), Bảo đảm thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của Tòa án trong Dự thảo 5 Luật tổ chức Tòa án sửa đổi, tr51-57,Tạp chí Nghề Luật, Số chuyên đề góp ý sửa đổi luật tổ chức Tòa án, 4/2024	Bài báo
67.	Nguyễn Vinh Diện (2017), Xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất (11/2017), Tạp chí dân chủ và pháp luật.	Bài báo
68.	Nguyễn Vinh Diện (2018), bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng (11/2018), tạp chí nghiên cứu lập pháp.	Bài báo
69.	Nguyễn Vinh Diện (2019), Hoàn thiện pháp luật về bồi thường cho quyền đồng sử dụng đất, đồng sở hữu tài sản gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng (2019), Tạp chí Pháp luật và thực tiễn.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
70.	Đức Thị Hòa (2021), Các biện pháp xử lý việc kết hôn trái pháp luật, trang 26 – 30, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 9 tháng 9 năm 2021	Bài báo
71.	Đức Thị Hòa (2021), Một số vấn đề cần lưu ý trong áp dụng pháp luật về hủy kết hôn trái pháp luật, trang 25 – 30, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 16 - 2021	Bài báo
72.	Nguyễn Chí Dũng (2014), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên trong phiên tòa sơ thẩm hình sự, trang 2 -8, Tạp chí Kiểm sát, số 12 (tháng 6/2014).	Bài báo
73.	Nguyễn Chí Dũng (2019), Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự trong các vụ án kinh tế ở giai đoạn thi hành án, trang 48 -55, Tạp chí Kiểm sát, số 20 (tháng 10/2019).	Bài báo
74.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (số 1, 2023), Sử dung trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại Trường ĐHSĐ, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
75.	Vũ Văn Đông, Phạm Anh Dũng (số 1, 2023), Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
76.	Phạm Xuân Đức (số 1, 2023), Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
77.	Đặng Thị Dung (2018), Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng dân quân du kích và vận dụng của Đảng bộ tỉnh Hải Dương trong kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp 1946-1954, Tạp chí NCKH ĐHSĐ, số 4(63), 121-128.	Bài báo
78.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn, (số 4, 2023), Năng lực của giảng viên trong chuyển đổi số giáo dục đại học, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
79.	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (2022), Bàn về phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp bền vững của một số vùng và hướng gợi mở cho Đồng bằng sông Hồng, Tạp chí NCKH ĐHSĐ, số 2(77), 71-77.	Bài báo
80.	Phạm Xuân Đức (số 7, 2018), Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
81.	Phùng Thị Lý (số tháng 4, 2019), Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường ĐHSĐ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, Tạp chí Giáo dục và xã hội	Bài báo
82.	Phùng Thị Lý (số tháng 5, 2019), Liên kết giữa trường Đại học khối kỹ thuật với doanh nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Quản lý Giáo dục	Bài báo
83.	Phùng Thị Lý (số tháng 6, 2019), Yếu tố tác động đến hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp FDI ở vùng đồng bằng sông Hồng trong nguồn đào tạo nhân lực, Tạp chí Giáo dục và xã hội	Bài báo
84.	Phùng Thị Lý (số 7, 2019), Hợp tác giữa trường Đại học với doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực hiện nay, Tạp chí Thông tin lý luận chính trị	Bài báo
85.	Phùng Thị Lý (số tháng 11, 2019), Một số quan điểm về hợp tác nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội	Bài báo
86.	Nguyễn Thị Hải Hà (số 1, 2020), Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Vinh	Bài báo
87.	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai (số tháng 4, 2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác -Lênin tại trường ĐHSĐ hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội	Bài báo
88.	Nguyễn Thị Hải Hà (số tháng 5, 2023), Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí Giáo dục và xã hội	Bài báo
89.	Phùng Thị Lý, Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới	Sách chuyên khảo, NXB Thế giới
90.	Nguyễn Thị Kim Nguyên, Nguyễn Thị Nhan, Phùng Thị Lý, Phạm Văn Dự (2023) Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay.	Sách chuyên khảo, NXB Khoa học và kỹ thuật

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
91.	Nguyễn Thị Nhan (2019), Đáp ứng nhu cầu nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp góp phần phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (64) trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
92.	Nguyễn Thị Nhan (2020), Nâng cao chất lượng giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68), trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
93.	Nguyễn Thị Nhan (2020), Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong quản lý phát triển xã hội hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (70), trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
94.	Nguyễn Thị Nhan (2020), Học tập tấm gương làm việc trách nhiệm, khoa học, đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng tác phong làm việc của giảng viên các trường đại học hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(73).2021, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
95.	Nguyễn Thị Nhan (2022), Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76).2022, trang 100-106. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
96.	Nguyễn Thị Nhan, Vũ Văn Chương (2023), Phát huy năng lực tự học của sinh viên trong dạy học Triết học Mác – Lênin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82), trang 108-113. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
97.	Nguyễn Thị Nhan, Nguyễn Mạnh Tưởng (2024), Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 (85), trang 109-115. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
98.	Nguyễn Thị Nhan, Phan Hoàng Đức (2025), Vai trò của giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (88), trang 99-104. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
99.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Đông (2019), Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (64), trang 117 - 122. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
100.	Vũ Văn Đông (2020), Vai trò của gia đình trong việc giáo dục thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (70), trang 115 - 122. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
101.	Vũ Văn Đông (2021), Xóa đới, giảm nghèo ở Hải Dương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (72), trang 115 - 122. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
102.	Vũ Văn Đông (2021), Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (74).2021, trang 101 - 109. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
103.	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lenin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (87), trang 106-1. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
104.	Vũ Văn Đông (2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C.Mac và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (88), trang 99-104. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
105.	Vũ Văn Đông (2021), Bàn về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (75), trang 108 - 115. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
106.	Vũ Văn Đông (2022), Sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong bối cảnh tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (78), trang 115 - 121.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
107.	Vũ Văn Đông (2023), Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của đạo đức đó trong đời sống đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82), trang 110 - 116. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
108.	Vũ Văn Đông, Phạm Anh Dũng (2023), Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục truyền thống lịch sử cho thế hệ trẻ và nội dung vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (83), trang 107 - 113. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
109.	Vũ Văn Đông (2024), Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (86), trang 106 - 111. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
110.	Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Đông (2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (87) trang 123 - 128. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
111.	Nguyễn Thị Kim Nguyên, Vũ Văn Đông, Nguyễn Mạnh Tưởng (2024), Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm kinh tế chính trị Mác – Lê Nin, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật	Bài báo
112.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Chương (2021), Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (74), trang 120-127.	Bài báo
113.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung (2022), Tư tưởng của Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận - Thực tiễn, số 3 (19), trang 15 -18.	Bài báo
114.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung (2022); Tư tưởng của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận và thực tiễn, số 3(19), tr 15 -21.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
115.	Nguyễn Thị Kim Nguyên, Pham Văn Dự (2023), Tư tưởng của Lênin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng", sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (80), trang 117-120.	Bài báo
116.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về sử dụng trí thức yêu nước của xã hội cũ phục vụ sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc - sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
117.	Phạm Văn Dự, Vũ Văn Chương, Nguyễn Minh Loan (2024), Tư tưởng của Lenin về công đoàn và sự vận dụng ở Việt Nam,Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (86), trang 123-128.	Bài báo
118.	Phạm Văn Dự, Vũ Văn Chương (2024), Phận sự của cán bộ, đảng viên trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Nội chính, số 121, trang 30 -34.	Bài báo
119.	Phạm Văn Dự (2024) 'Đề cương văn hóa Việt Nam'' nội dung và ý nghĩa, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (84), trang 113-116.	Bài báo
120.	Phạm Văn Dự (2024), Quan điểm chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (87), trang 118-121.	Bài báo
121.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2022), Developing high quality human resources in the process of industrializatio and modernization in Vietnam today, Webology, ISSN: 1735-188X). Page: 814-829, https://www.webology.org/issue.php?volume=19&issue=53&page=3	Bài báo
122.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2022), Existings need to concentrate wood works to develop human resources in digital transformation in Vietnam, Journal of Pharmaceutical Negative Results, ISSN: 2220- 7723, Spocus Q3, ISI (ESCI – Thomson Reuters). Page: 1110-1119, https://doi.org/10.47750/pnr.2022.13.S09.132.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
123.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Adoption of Sustainable Farming Practices in Vietnam: A Discourse of the Determining Factors, HELIYON. Spocus Q1, https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e31792.	Bài báo
124.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp: Thực trạng và một số đề xuất trong thời gian tới, Tạp chí Công thương số 3 (02/2023).	Bài báo
125.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Tư tưởng của Lênin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm "Nhà nước và cách mạng", sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ số 1(80) 2023 (03/2023).	Bài báo
126.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Việt Nam phục hồi và phát triển giai đoạn hậu dịch Covid- 19, Tạp chí Tài chính (4/2023).	Bài báo
127.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Phát triển thị trường lao động Việt Nam sau đại dịch covid-19: Hàm ý một số chính sách, Tạp chí điện tử Quản lý Nhà nước (4/2023).	Bài báo
128.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Đánh giá về nhân lực ngành Công nghệ thông tin: những vấn đề đặt ra và giải pháp trong thời gian tới, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán (05/2023).	Bài báo
129.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại một số nước thuộc hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Tạp chí Khoa học thương mại (5/2023).	Bài báo
130.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Giải pháp đảm bảo lợi ích cho người lao động trong các doanh nghiệp hiện nay, Tạp chí Kinh tế và dự báo số 23 (8/2023).	Bài báo
131.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Quản lý, sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam hiệu quả, nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 36 (12/2023).	Bài báo
132.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Nhân lực ngành trí tuệ nhân tạo: Cơ hội và một số đề xuất trong thời gian tới, Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương số cuối tháng (03/2024).	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
133.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Phát triển các sản phẩm OCOP thúc đẩy kinh tế nông thôn, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số đặc biệt (4/2024).	Bài báo
134.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao: Kinh nghiệm quốc tế và liên hệ với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán số 263 (05/2024).	Bài báo
135.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ số 4 (87) 2024 (11/2024).	Bài báo
136.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2020), Mô hình giáo dục đại học liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập, NXB Khoa học và kỹ thuật.	Sách
137.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2020), Nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế tư nhân nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế, NXB Lao động.	Sách
138.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2021), Phát triển nguồn nhân lực Kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay, NXB Lao động.	Sách
139.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Kinh nghiệm vận dụng KPI trong hoạt động của doanh nghiệp ở Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật.	Sách
140.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Giáo trình Kỹ năng mềm, NXB Khoa học và kỹ thuật.	Giáo trình

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ GV hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Luật. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Giáo dục Đại cương và Pháp luật đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho GV.

- Tiếp tục chọn cử GV đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành, dự kiến đến năm 2030 có thêm 03 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Luật dự kiến mở.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động thực tế, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; hỗ trợ GV đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

- Hằng năm, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học

Trường ĐHSĐ có 02 cơ sở đào tạo: Cơ sở 1 tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, P. Sao Đỏ, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương; Cơ sở 2 tại Km78, quốc lộ 37, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Diện tích 02 cơ sở là gần 27 ha. Hoạt động đào tạo chủ yếu tại cơ sở 1 với đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các trung tâm thực hành, thực nghiệm phù hợp đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT theo quy định hiện hành.

Nhà trường hiện nay có 121 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 847m^2. 100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho SV học tập. Có 10 phòng thi trắc

nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền. Nhà trường có hạ tầng CNTT áp dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo, quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành Luật.

Nhà trường có các phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, các phòng học thực hành giảng dạy Tin học với các trang thiết bị thực hành tương ứng. Với ngành luật, nhà trường có phòng diễn án với các thiết bị dụng cụ đáp ứng yêu cầu thực hành xét xử các vụ án, văn phòng thực hành pháp luật.

Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ https://saodo.edu.vn/. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT v.v…

Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	**Loại phòng học** *(Phòng học, phòng học thực hành)*	**Số lượng**	**Diện tích (m^2)**	**Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy**		
				Tên thiết bị	**Số lượng**	**Phục vụ học phần/ môn học**
1	Phòng học lý thuyết	121	8470	Màn hình LCD, máy chiếu projector	121 bộ	Các học phần/môn học lý thuyết
2	Phòng học máy tính ứng dụng công nghệ	18	1170	Máy tính bàn, màn hình LCD	540 bộ	Các học phần/môn học về Tin học, ứng dụng công nghệ trong dạy học, thiết kế bài giảng điện tử …
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	4	386	Máy chủ, máy tính cá nhân, máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, hệ thống phần mềm chuyên dụng	134 bộ	Các học phần rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ Nghe, nói, đọc, viết
4	Giảng đường đa năng	01	900 chỗ ngồi	Màn hình LCD, máy chiếu projector	01	Hội họp, học kỹ năng mềm

Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
I	**Phòng thực hành ngoại ngữ số 1**					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Luật	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Luật	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Luật	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Luật	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Luật	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ. Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Luật	
II	**Phòng thực hành ngoại ngữ số 2**					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Luật	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Luật	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Luật	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Luật	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Luật	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Luật	
III	**Phòng thực hành, học tập tin học số 1**					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Luật	

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Luật	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Luật	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Luật	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Luật	
6	Phần mềm multimedia dùng cho GV viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Luật	
IV	**Phòng thực hành, học tập tin học số 2**					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên (mã hiệu: VC 4690)	1	2015	Việt Nam	Luật	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên (mã hiệu: G2030)	40	2015	Việt Nam	Luật	
3	Máy chiếu đa năng (mã hiệu: VL-2700)	1	2015	Trung Quốc	Luật	
4	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra (mã hiệu: V-580AV)	1	2015	Trung Quốc	Luật	
5	Thiết bị khuếch đại đường truyền Audio và phần mềm hỗ trợ (mã hiệu: V-580)	41	2015	Trung Quốc	Luật	
6	Hệ thống âm thanh hỗ trợ (mã hiệu: V-100)	1	2015	Trung Quốc	Luật	
7	Phần mềm dùng cho giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngoại ngữ (VL-6800T)	1	2015	Việt Nam	Luật	
8	Phần mềm dùng cho học viên	1	2015	Việt Nam	Luật	
9	Máy in LaserJet HP	1	2014	Việt Nam	Luật	
10	Ti vi Sam Sung PS50A410	1	2009	Việt Nam	Luật	
11	Bộ âm ly 3600-OMATON	1	2013	Trung Quốc	Luật	
	Loa cây JBL 2 bát 40 + Micro	1		Trung	Luật	

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
12	không dây + Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)		2013	Quốc		
V	**Phòng thực hành diễn án**					
1	Bàn Hội đồng xét xử	1	2024	Việt Nam	Luật	
2	Ghế Hội đồng xét xử	3	2024	Việt Nam	Luật	
3	Bàn Thư ký HĐXX	1	2024	Việt Nam	Luật	
4	Ghế Thư ký HĐXX	2	2024	Việt Nam	Luật	
5	Bàn Đại diện VKS	1	2024	Việt Nam	Luật	
6	Ghế Đại diện VKS	2	2024	Việt Nam	Luật	
7	Bàn cho Luật sư	1	2024	Việt Nam	Luật	
8	Ghế ngồi cho Luật sư	3	2024	Việt Nam	Luật	
9	Ghế ngồi nguyên đơn và bị đơn	6	2024	Việt Nam	Luật	
10	Ghế cho người ngồi dự (bộ)	30	2009	Việt Nam	Luật	
11	Điều hòa LG 12000 BTU	1	2019	Việt Nam	Luật	
12	Ti vi Sam Sung PS50A410	1	2013	Trung Quốc	Luật	
13	Bộ âm ly 3600-OMATON	1	2013	Trung Quốc	Luật	
14	Loa cây JBL 2 bát 40 + Micro không dây + Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)	1	2013	Trung Quốc	Luật	
15	Bảng tư cách người tham gia tố tụng	9	2024	Việt Nam	Luật	
16	Bảng tư cách người tiến hành tố tụng	7	2024	Việt Nam	Luật	
17	Bục khai báo	1	2024	Việt Nam	Luật	
18	Quốc huy	1	2024	Việt Nam	Luật	
20	Áo thẩm phán	3	2024	Việt Nam	Luật	
21	Áo kiểm soát viên	2	2024	Việt Nam	Luật	
22	Máy quay phim, chụp hình Canon	1	2023	Việt Nam	Luật	
VI	**Văn phòng thực hành luật**					
1	Điều hòa LG 12000 BTU	1	2019	Việt Nam	Luật	
2	Ti vi Sam Sung PS50A410	1	2013	Trung Quốc	Luật	
3	Máy tính	1	2015	Việt Nam	Luật	
4	Bàn làm việc	4	2023	Việt Nam	Luật	

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
5	Ghế ngồi	12	2019	Việt Nam	Luật	
6	Tủ đựng tài liệu	2	2019	Việt Nam	Luật	

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

** Thư viện*

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m^2 với trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (http://lib.saodo.edu.vn), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 111 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (https://hub.idk.org.vn) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

** Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng phòng: 01
- Số lượng máy tính: 120 máy
- Diện tích phòng: 100 m^2
- Tổng mức đầu tư 1,5 tỷ đồng
- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

Danh mục chi tiết các thiết bị được cho trong (Bảng 5.3).

Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	120	ĐNA	
2	Máy server Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3.	Wireless AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4.	Switch quang: KATALYST WS-C3750 G	05	Đài loan	

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
5.	Switch quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Diện tích phòng: 500 m^2

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.

- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 01.

- Diện tích phòng: 100 m^2/phòng.

- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.

- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, v.v..

Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Luật

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.	Tài liệu học tập Triết học Mác – Lênin	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Triết học Mác-Lênin	CTRI 004
2.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2009, Việt Nam	15		
3.	Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác – Lênin	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Kinh tế chính trị Mác-	CTRI 002

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021	15	Lênin	
5.	Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph. Ăngghen	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam	1		
6.	Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam	1		
7.	Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	LUAT 002
8.	Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Minh Đoan	Chính trị quốc gia Sự thật, 2023	1		
9.	Giáo trình lí luận chung về nhà nước và pháp luật	Nguyễn Vinh Đoan, Nguyễn Văn Năm	Tư pháp, 2025	1		
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền	Nguyễn Đăng Dung	Đại học quốc gia Hà Nội, 2007	1		
11.	Giá trị xã hội của pháp luật Việt Nam – Lý luận và thực tiễn	PGS.TS. Vũ Trọng Lâm	Chính trị quốc gia Sự thật, 2020	1		
12.	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Lê Minh Tâm	Công an nhân dân, 2000	1		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13.	Tài liệu học tập Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	KNM 005
14.	Nghệ thuật nói trước công chúng	Nguyễn Hiến Lê	Văn hóa Thông tin, 2006, Việt Nam	15		
15.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia, 2010, Việt Nam	15		
16.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin, 2009, Việt Nam	15		
17.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	Lao động, 2017, Việt Nam	15		
18.	Tài liệu học tập Giáo dục thể chất	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Giáo dục thể chất	GDTC 001
19.	Giáo trình giảng dạy môn bóng đá	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	25		
20.	GT giảng dạy môn cầu lông	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	25		
21.	Tài liệu học tập bóng chuyền hơi	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Bóng chuyền hơi	GDTC 001
22.	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lẫm	Thể dục thể thao, 2006,	10		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			Việt Nam			
23.	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	Thể thao và Du lịch, 2018, Việt Nam	10		
24.	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	Đại học Quốc gia, 2019, Việt Nam	10	Khiêu vũ	GDTC 001
25.	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, 2015, Việt Nam	10		
26.	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Giáo dục quốc phòng và an ninh	GDQP
27.	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Giáo dục, 2009, Việt Nam	15		
28.	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 2		Giáo dục, 2009, Việt Nam	15		
29.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013	25		
30.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an	Bộ giáo dục đào	Lưu hành nội bộ, 2013	25		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ninh, tập 2	tạo -Bộ quốc phòng				
31.	Tài liệu học tập Logic học đại cương	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ, 2024	15	Logic học đại cương	LUAT 038
32.	Logic học đại cương	Vương Tất Đạt	NXB Đại học Quốc Gia Hà nội năm 2010	15		
33.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Duyên Thảo, Mai Văn Thắng	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	5	Lịch sử nhà nước và pháp luật	LUAT 003
34.	Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật	Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga	Công an nhân dân, 2022	5		
35.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Thế giới	Nguyễn Minh Tuấn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	5		
36.	Quốc triều hình luật	Lê Thị Sơn	Khoa học xã hội, 2024	5		
37.	Lịch sử và Nhà nước pháp luật Việt Nam	Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga	Công an nhân dân, 2006	5		
38.	Tài liệu học tập Tin học cơ bản	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tin học cơ bản	TINCB005
39.	Giáo trình Tin học	Nguyễn	Lao động -	15		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	cơ bản	Việt Hương	Xã hội, 2007			
40.	Sổ tay học nhanh phím nóng trên máy tính	Thanh Hải	Hồng Đức, 2008, Việt Nam	15		
41.	Soạn thảo văn bản trong Microsoft Offce Word 2003	Trần Hải Long	Thống kê, 2007, Việt Nam	15		
42.	Thực hành Excel 2007	Thanh Hải	Hồng Đức, 2008, Việt Nam	15		
43.	Thuật và xử lý sự cố trong Microsoft Windows XP	Nguyễn Thanh Hải	Văn hóa thông tin, 2008, Việt Nam	15		
44.	20 bài thực hành Power Point 2007	Công Tuân	Văn hóa thông tin, 2008, Việt Nam	15		
45.	Tài liệu học tập Tâm lý học đại cương	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	15	Tâm lý học đại cương	KHXH 010
46.	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Sư phạm, 2022, Việt Nam	5		
47.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi, Phan Công Luận	Chính trị - Hành chính,	5		
48.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Quốc gia, 2010, Việt	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			Nam			
49.	Tài liệu học tập Chủ nghĩa xã hội Khoa học	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CTRI 001
50.	Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học	BGDĐT	Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021	15		
51.	Giáo trình Lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý	Cao Minh Công, Nguyễn Thị Hồi	Chính trị quốc gia, 2015	5	Lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý	LUAT 001
52.	Real life - Elementary - Students' book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	10	Tiếng Anh căn bản 1	TANH 029
53.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK	10		
54.	Essential Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press	10		
55.	Real life - Elementary - Students' book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	10	Tiếng Anh căn bản 2	TANH 030
56.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK	10		
57.	Real life - Preintermediate -	Sarah Cunning	Pearson Longman,	10	Tiếng Anh căn	TANH 031

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Students' book	Ham, Peter Moor	2010		bản 3	
58.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK	10		
59.	Advanced Grammar in Use	Martin Hewings	Cambridge University Press, 2005, UK	10		
60.	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	15		
61.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia, 2009, Việt Nam	15	Tiếng Trung căn bản 1	TTRUNG015
62.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam	15		
63.	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển hạ)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	15	Tiếng Trung căn bản 2	TTRUNG016
64.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia	15		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	tập 1		Hà Nội, 2009, Việt Nam			
65.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam	15		
66.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	15		
67.	Giáo trình Hán ngữ (Tập 2 - Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018, Trung Quốc	15	Tiếng Trung căn bản 3	TTRUNG017
68.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam	15		
69.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	15		
70.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 4	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	15		
71.	Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư	Ngô Thị Ngọc Vân, Tống Thị	NXB Tư pháp, 2021	5	Đạo đức nghề luật	LUAT004

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Thanh Thanh				
72.	Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quốc hội	Chính trị Quốc gia sự thật, 2024	5	Luật Hiến pháp Việt Nam	LUAT 007
73.	Hiến pháp 2013		Nxb CTQG Hà Nội 2021	5		
74.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 1	Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ	NXB Tư pháp, 2033	5	Luật dân sự 1	LUAT 010
75.	Giáo trình Những quy định chung về luật dân sự	Chế Mỹ Phương Đài, Nguyễn Xuân Quang	NXB Công an nhân dân	5		
76.	Bộ luật dân sự	Quốc hội	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021	5		
77.	Pháp luật dân sự Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Trần Anh Tuấn, Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Văn Hợi	NXB Công an nhân dân 2024	5		
78.	Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành	Viện nghiên cứu quản	NXB Tài chính, 2007	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		lý kinh tế trung ương				
79.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 1	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn	NXB Công an nhân dân, 2005	5		
80.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục, 2000, Việt Nam	15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	KHXH 007
81.	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục, 2006, Việt Nam	15		
82.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục, 2006, Việt Nam	15		
83.	Kỹ năng lập luận và tranh luận	LêThanh Sơn	NXB Đại học Huế	15	Kỹ năng lập luận và tranh luận	LUAT 005
84.	Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận,	Lê Thị Hồng Vân (Chủ biên)	NXB Hồng Đức (2013).	15		
85.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2	Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ	NXB Tư pháp, 2022	5	Luật dân sự 2	LUAT 011
86.	Giáo trình Luật dân sự Việt Nam tập 2	Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn	NXB Công An Nhân dân, 2005	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
87.	Bộ luật dân sự	Quốc hội	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021	5		
88.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	15	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CTRI 003
89.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, Việt Nam	15		
90.	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Minh Hà	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024	5	Luật hành chính Việt Nam	LUAT 012
91.	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Trần Minh Hương	NXB Công an nhân dân, 2006	5		
92.	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam	Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, 2024	5	Luật hình sự 1	LUAT 008
93.	Bộ luật hình sự Việt Nam (bộ luật 2015 sửa đổi 2017)	Quốc hội	NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, 2024	5		
94.	Giáo trình Công pháp quốc tế	Nguyễn Bá Diến	Đại học Quốc gia Hà Nội	5	Công pháp quốc tế	LUAT 018
95.	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CTRI 005
96.	Giáo trình Tư tưởng	BGDĐT	Chính trị	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Hồ Chí Minh		quốc gia, 2009, Việt Nam			
97.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGDĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, Việt Nam	5		
98.	Giáo trình tư pháp quốc tế,	Đỗ Thị Mai Hạnh	NXB Tư pháp, 2024	5	Tư pháp quốc tế	LUAT 013
99.	Giáo trình Luật Tố tụng Hành chính Việt Nam	Nguyễn Cảnh Hợp	NXB Hồng Đức, 2024	5	Luật tố tụng hành chính	LUAT 014
100.	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam	Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, 2024	5	Luật hình sự 2	LUAT 009
101.	Bộ luật hình sự Việt Nam (bộ luật 2015 sửa đổi 2017)	Quốc hội	NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, 2024	5		
102.	Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung	Lê Văn Cảm, Trịnh Tiến Việt	NXB Tư pháp, 2024	5		
103.	Giáo trình tội phạm học	Võ Thị Kim Oanh, Lê Nguyên Thanh	NXB Tư pháp, 2024	5	Tội phạm học	LUAT 022
104.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 1	Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung	NXB Tư pháp, 2022	5	Luật thương mại 1	LUAT 017

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
105.	Giáo trình Bảo hiểm Thương mại	PGS.TS. Nguyễn Văn Định	Đại học Kinh tế quốc dân 2020	5		
106.	Giáo trình Luật Thương mại (tập 1)	Đồng Ngọc Ba	NXB Giáo dục, 2008	5		
107.	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	Đại học kinh tế quốc dân	5		
108.	GT pháp luật kinh tế	Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Thủy	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2024	5		
109.	Giáo trình luật môi trường	Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh	NXB Tư pháp, 2024	5	Luật môi trường	LUAT 029
110.	Giáo trình luật thuế Việt Nam	Phạm Thị Giang Thu	Tư pháp	5	Luật thuế	LUAT 030
111.	Giáo trình Luật cạnh tranh	Nguyễn Thị Vân Anh	NXB Công an nhân dân 2020	5	Luật cạnh tranh	LUAT 031
112.	Quảng cáo dưới góc độ cạnh tranh	Đinh Thị Mỹ Loan	NXB Lao động – Xã hội, 2008	5		
113.	Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh	Hà Thị Thanh Bình	NXB Công an nhân dân 2024	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	chấp thương mại					
114.	Giáo trình Luật so sánh	Nguyễn Thị Ánh Vân	NXB Tư pháp	5	Luật so sánh	LUAT 032
115.	Giáo trình Pháp luật cộng đồng ASEAN	Nguyễn Thị Thuận, Lê Minh Tiến	NXB Công an nhân dân, 2021	5	Pháp luật cộng đồng ASEAN	LUAT 027
116.	Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ	Vũ Thị Hải Yến	NXB Tư pháp, 2024	5	Luật sở hữu trí tuệ	LUAT 021
117.	GT Luật sở hữu trí tuệ	Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến	NXB Giáo dục Việt Nam, 2017	5		
118.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	NXB Tư pháp, 2024	5	Luật hôn nhân và gia đình	LUAT 020
119.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	NXB Tư pháp, 2021	5		
120.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình	Phan Trung Hiền	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023	5		
121.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	NXB Công an nhân dân, 2016	5		
122.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	NXB Công an nhân dân, 2005	5		
123.	Giáo trình Luật hôn	Nguyễn	NXB Công	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	nhân và gia đình Việt Nam	Văn Cừ	an nhân dân, 2007			
124.	Giáo trình Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Nguyễn Văn Cừ	NXB Công an nhân dân, 2007	5		
125.	Luật hôn nhân và gia đình	Quốc hội	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021	5		
126.	Hướng dẫn học tập và tìm hiểu Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam	Ngô Thị Hường	NXB Lao Động, 2020	5		
127.	Cẩm nang pháp luật về kết hôn, ly hôn, chế độ tài sản của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân	Trương Ngọc Liêu	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	5		
128.	Luật phòng chống tham nhũng	Quốc hội	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2020	5	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	LUAT 019
129.	Một số vấn đề về tham nhũng và những nội và những vấn đề cơ bản của luật phòng, chống tham nhũng 2018	Đinh Văn Minh	NXB Lao động, 2019	5		
130.	Giáo trình lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Nguyễn Đăng Dung, Phạm	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2013	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Hồng Thái, Chu Hồng Thanh, Vũ Công Giao				
131.	Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam	Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi	NXB Công an nhân dâ, 2023	5	Luật tố tụng hình sự	LUAT 015
132.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 2	Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung	NXB Tư pháp, 2022	5	Luật thương mại 2	LUAT 038
133.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 2	Nguyễn Viết Tý	NXB Công an nhân dân, 2022	5		
134.	Giáo trình Luật Thương mại (tập 2)	Đồng Ngọc Cường	NXB Giáo dục, 2008	5		
135.	Luật kinh doanh những vấn đề cốt yếu	Phan Thị Ngọc Thuận	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2007	5		
136.	Luật kinh doanh Việt Nam	Nguyễn Quốc Sỹ	NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2009	5		
137.	Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật	Vũ Thị Lan Anh	NXB Tư pháp, 2024	5	Kỹ năng tư vấn pháp luật	LUAT 033
138.	Giáo trình kỹ năng	Nguyễn	NXB Tài	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	Thị Lan	chính, 2023			
139.	Giáo trình kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	Vũ Thị Lan Anh	NXB Tư pháp, 2024	5		
140.	Tập bài giảng Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	Lê Thị Giang	NXB Hải Phòng, 2021	5	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	LUAT 034
141.	Giáo trình một số hợp đồng đặc thù trong hoạt động thương mại và Kỹ năng đàm phán	Nguyễn Thị Dung	NXB Công an nhân dân, 2012	5		
142.	Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại,	Hội Luật Gia Việt Nam, Hà Nội.	Nhà Xuất bản Hồng Đức 2020	5	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	LUAT 035
143.	Giáo trình Luật thương mại Việt Nam tập 1	Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung	NXB Tư pháp, 2022	5		
144.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình	NXB Công an nhân dân, 2015	5	Luật tố tụng dân sự	LUAT 016
145.	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Nguyễn Công Bình	NXB Công an nhân dân, 1997	5		
146.	Giáo trình Luật lao động Việt Nam	Lê Thị Hoài Thu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023	5	Luật lao động	LUAT 023

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
147.	Bộ luật Lao động (hiện hành)	Quốc hội	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2021	5		
148.	Giáo trình Luật đất đai	Lưu Quốc Thái	NXB Tư pháp, 2018	5	Luật đất đai	LUAT 025
149.	Luật đất đai (sửa đổi, bổ sung năm 2024)	Quốc hội	NXB Công an nhân dân, 2024	5		
150.	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Công Nhự	Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	5	Luật tài chính	LUAT 024
151.	GT Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	Đại học Kinh tế quốc dân,2008	5		
152.	GT Pháp luật kinh tế	Lê Thị Thanh	NXB Tài chính, 2008	5		
153.	Giáo trình Luật thương mại quốc tế - phần I	Trần Việt Dũng	NXB Công an nhân dân, 2024	5	Luật thương mại quốc tế	LUAT 026
154.	Giáo trình Luật thương mại quốc tế - phần II	Trần Việt Dũng	NXB Công an nhân dân, 2024	5		
155.	Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành	Phan Đức Hiếu	NXB Tài chính, 2007	5		
156.	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	Đoàn Thị Tố Uyên	NXB Tư pháp, 2018	10	Xây dựng văn bản pháp luật	LUAT 028

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
157.	Hiến pháp và luật về quyền con người của 1 số quốc gia trên thế giới	Tường Duy Kiên, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Thế Anh	NXB Lý luận chính trị, 2023	5	Pháp luật về quyền con người	LUAT 006
158.	Các văn kiện quốc tế, khu vực về quyền con người	Học viện chính trị quốc gia HCM	NXB Lý luận chính trị, 2023	5		
159.	Tư tưởng HCM về quyền con người	Học viện chính trị quốc gia HCM	NXB Lý luận chính trị, 2023	5		
160.	Các văn kiện của đảng, chính phủ và thủ tướng chính phủ về quyền con người	Học viện chính trị quốc gia HCM	NXB Lý luận chính trị 2023	5		
161.	Cơ chế quốc tế, khu vực và quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người	Tường Duy Kiên, Nguyễn Thị Thanh Hải	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022	5		
162.	Cơ chế bảo đảm quyền con người ở VN	Tường Duy Kiên, Lê Văn Trung, Trần Thị	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2023	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Hồng Hạnh				
163.	Pháp luật cơ chế thúc đẩy, bảo vệ quyền con người của 1 số nước trên thế giới	Tường Duy Kiên, Lê Xuân Tùng	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2024	5		
164.	Quyền con người trong phát triển XH	Tường Duy Kiên, Nguyễn Thị Thanh Hải	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2024	5		
165.	Lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người	Tường Duy Kiên	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2024	5		
166.	Quyền con người trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam	Nguyễn Thị Kim Ngân, Chu Mạnh Hùng	NXB Công an nhân dân, 2023	5		
167.	Thúc đẩy và bảo vệ quyền của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam	PGS.TS Tường Duy Kiên	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2026	5		
168.	Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người	Nguyễn Đăng Dung, Vũ	NXB Chính trị quốc gia, 2009	5		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Công Giao, Lã Khánh Tùng				
169.	Phần kỹ năng giải quyết vụ án hình sự (2014) - Chương trình đào tạo Thẩm phán của trường Cán bộ Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao – NXB Văn hóa thông tin.	Trường Cán bộ Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao	NXB Văn hóa thông tin, 2014	5	Hoạt động chứng minh trong tố tụng hình sự và thi hành án hình sự	LUAT 036
170.	Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam	Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi	NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2023	5		
171.	Phần kỹ năng giải quyết vụ án dân sự (2014) - Chương trình đào tạo Thẩm phán của trường Cán bộ Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao –	Trường Cán bộ Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao	Nhà xuất bản văn hóa thông tin, năm 2014.	5	Hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự và thi hành án dân sự	LUAT 037
172.	Luật thi hành án dân sự hiện hành (2024)		NXB Sự thật	5		

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành Luật, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT

theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSĐ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, GV, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo Luật dự kiến mở, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường ĐHSĐ là Phòng Quản lý đào tạo và Tuyển sinh, Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo; kế hoạch đào tạo; quy định và quy trình đào tạo; công tác tổ chức giảng dạy; biên soạn giáo trình; công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý ngành Luật dự kiến mở là Khoa Giáo dục Đại cương và Pháp luật với 17 năm kinh nghiệm giảng dạy bao gồm ngành học là Luật và các học phần Lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn trong các CTĐT của các ngành của Trường.

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Trung Quốc gồm các thành viên sau (Bảng 11):

Bảng 5.5. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Luật dự kiến mở

Số TT	Họ và tên	Trình độ Đào tạo	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thị Điệp	Tiến sĩ	Trưởng khoa	
2	Phạm Xuân Đức	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa/Trưởng Bộ môn	
3	Hoàng Thị Hòa	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa/Trưởng Bộ môn	

VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Như phân tích và kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực ngành Luật dự kiến mở phần trên và các điều kiện mở ngành. Ngành Luật trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra. Một số rủi ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành Luật như sau: Rủi ro đến từ chất lượng nguồn nhân lực, rủi ro tác động đến chất lượng đào tạo, rủi ro tác động đến tỷ lệ giảng viên chuyển công tác và tham gia giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, rủi ro trong chất lượng tuyển sinh, rủi ro chất lượng đầu ra, rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo, không giữ được mã ngành đào tạo.

- Rủi ro đến từ chất lượng nguồn nhân lực

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành Luật là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên, trong trường hợp không tuyển sinh được Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo ... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Luôn nâng cao và bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín, vị thế của trường đối với xã hội.

Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT cho phù hợp với yêu cầu tuyển dụng, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, việc giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả của hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng

nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân SV, từng GV, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- Sinh viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập

Thiết kế CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học. Bồi dưỡng GV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong các hình thức và phương pháp giảng dạy nhằm thu hút và tạo hứng thú học tập cho SV.

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học. Giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của từng SV, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các nguyên nhân SV bỏ học để có phương án hỗ trợ.

Sau mỗi kỳ học, giảng viên chủ nhiệm, Khoa thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ HP, các điều kiện học tiếp của SV... kịp thời thông báo, trao đổi với SV và tìm ra các nguyên nhân và hướng khắc phục, hỗ trợ.

Nhà trường xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện. Có những chính sách hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với SV có hoàn cảnh khó khăn, SV có kết quả học tập tốt v.v...

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các Hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Đối với các trường hợp SV bỏ học do việc lựa ngành học chưa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân cần làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp.

Trường hợp SV không theo kịp tiến độ đào tạo do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu, các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở kế hoạch học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT

Sự biết động về đội ngũ GV xảy ra có thể do nguyên nhân GV đến tuổi về hưu hoặc chuyển công tác. Giải pháp xử lý rủi ro là Nhà trường/Khoa phải có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút GV để đảm báo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân GV, đặc biệt các GV có trình độ chuyên môn cao.

7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được ngành dự kiến mở.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, GV, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với GV, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo ngành Luật để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà học viên đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học; hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

VIII. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật, mã ngành: 7380101 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT- BGDĐT ngày ngày 18/01/2022 ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường ĐHSĐ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Luật mã ngành 7380101 trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu;
- Phòng QLCL (đăng Website trường);
- Lưu: VT, ĐT&TS, GDĐC&PL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CỘNG ... TRƯỜNG ĐẠI HỌC ... SAO ĐỎ

TS. Đỗ Văn Đỉnh